

PHAN LAN ANH

MODULE MN

34

**SỬ DỤNG BỘ CHUẨN
PHÁT TRIỂN TRẺ EM 5 TUỔI**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

GDMN là cấp học đầu tiên của quá trình giáo dục thường xuyên cho mọi người, là giai đoạn đầu tiên của việc hình thành và phát triển nhân cách. Những kết quả trẻ đạt được ở tuổi này có ý nghĩa quyết định đến sự hình thành và phát triển toàn diện trong suốt cuộc đời của đứa trẻ, điều này phụ thuộc nhiều vào chất lượng chăm sóc, giáo dục của nhà trường, gia đình và xã hội.

Vào lớp 1 là bước ngoặt quan trọng của trẻ mẫu giáo. Từ hoạt động vui chơi là chủ đạo, trẻ chuyển sang hoạt động học tập với môi trường mới, thầy cô, bạn bè mới làm trẻ gặp nhiều khó khăn, bỡ ngỡ nếu không được chuẩn bị tốt về mọi mặt.

Ngày 22/7/2010, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 23/2010 Quy định về Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi (PTTE5T).

Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi thể hiện sự mong đợi về những gì trẻ nên biết và có thể làm được dưới tác động của giáo dục trong các lĩnh vực phát triển nền tảng của trẻ: Phát triển Thể chất, Phát triển Tình cảm và Quan hệ xã hội, Phát triển Ngôn ngữ và Giao tiếp, Phát triển Nhận thức. Bộ Chuẩn PTTE5T còn là cơ sở cung cấp các thông tin phản hồi về sự phát triển của cá nhân mỗi trẻ, giúp giáo viên và cha mẹ trẻ lựa chọn nội dung và các biện pháp giáo dục phù hợp, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Đối với cộng đồng, Bộ Chuẩn PTTE5T là căn cứ để thực hiện sự công bằng trong giáo dục.



B. MỤC TIÊU

Giúp giáo viên mầm non:

- Hiểu được khái niệm về Chuẩn PTTE, vai trò và lợi ích của Chuẩn PTTE.
- Nắm được mục đích sử dụng Chuẩn PTTE và nội dung Bộ Chuẩn PTTE5T.
- Biết sử dụng Bộ Chuẩn trong quá trình giáo dục trẻ 5 tuổi.
- Có kỹ năng xây dựng công cụ đánh giá sự PTTE5T.



C. NỘI DUNG

NỘI DUNG 1

KHÁI NIỆM VỀ CHUẨN, VAI TRÒ VÀ LỢI ÍCH CỦA CHUẨN PHÁT TRIỂN TRẺ EM 5 TUỔI

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số khái niệm có liên quan

NHIỆM VỤ

Bạn đã nghiên cứu Bộ Chuẩn PTTE5T, đã sử dụng nó trong công tác GDMN. Bạn hãy suy nghĩ và làm rõ một số khái niệm sau:

- Chuẩn là gì?

- Chuẩn PTTE là gì?

- Chuẩn PTTE5T là gì?

Bạn đối chiếu với những thông tin dưới đây để hoàn thiện khái niệm.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Chuẩn là gì?

Chuẩn là cái được chọn làm căn cứ đối chiếu để hướng theo đó mà làm.

2. Chuẩn phát triển trẻ em là gì?

Chuẩn phát triển trẻ em là những mong đợi về những gì trẻ em nên biết và có thể làm được.

3. Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi là gì?

Chuẩn PTTE5T là những mong đợi về những gì trẻ em 5 tuổi nên biết và có thể làm được.

Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò và lợi ích của Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi

NHIỆM VỤ

Bằng sự hiểu biết của mình, bạn hãy chỉ ra vai trò và lợi ích của Chuẩn PTTE5T:

Bạn hãy đối chiếu những thông tin dưới đây để tăng thêm hiểu biết về vấn đề này.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Chuẩn giúp cho GV, cha mẹ và cộng đồng hiểu được khả năng của trẻ để:

- Không đòi hỏi ở trẻ những điều trẻ không thể làm được hoặc đánh giá thấp khả năng của trẻ.**
- Hỗ trợ để trẻ phát triển tối đa tiềm năng của mình.**
- Theo dõi sự phát triển của trẻ để điều chỉnh các tác động kích thích sự phát triển của trẻ.**

Nội dung 2

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG BỘ CHUẨN PHÁT TRIỂN TRẺ EM 5 TUỔI

NHIỆM VỤ

Hoạt động 3: Tìm hiểu mục đích sử dụng Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi

Bạn hãy viết ra mục đích sử dụng Bộ Chuẩn PTTE5T:

Bạn hãy đối chiếu với những thông tin dưới đây để xác định rõ mục đích sử dụng Bộ Chuẩn PTTE5T.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

- * **Mục đích sử dụng Bộ Chuẩn PTTE5T.**
- **Hỗ trợ cải thiện phương pháp giáo dục trẻ.**
- **Nâng cao kĩ năng, hành vi của các bậc phụ huynh.**
- **Nâng cao chất lượng đào tạo GVMN.**
- **Đánh giá chất lượng chương trình GDMN.**
- **Nâng cao kiến thức cộng đồng.**
- **Giám sát sự tiến bộ quốc gia.**

Nội dung 3

BỘ CHUẨN PHÁT TRIỂN TRẺ EM 5 TUỔI

Hoạt động 4: Tìm hiểu nguyên tắc khi sử dụng Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi

NHIỆM VỤ

Bạn suy nghĩ và viết ra những hiểu biết của mình về:

- **Mục đích ban hành Bộ Chuẩn PTTE5T.**

- Một số nguyên tắc khi sử dụng Bộ Chuẩn PTTE5T để đánh giá trẻ:

Bạn hãy đối chiếu những thông tin dưới đây để tăng thêm hiểu biết về vấn đề này.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Mục đích ban hành Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi

a) Hỗ trợ thực hiện chương trình GDMN, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục, chuẩn bị tâm thế cho trẻ em 5 tuổi vào lớp 1

- Bộ Chuẩn PTTE5T là cơ sở để cụ thể hoá mục tiêu, nội dung chăm sóc, giáo dục, lựa chọn và điều chỉnh hoạt động chăm sóc, giáo dục cho phù hợp với trẻ mẫu giáo năm tuổi.
- Bộ Chuẩn PTTE5T là cơ sở để xây dựng bộ công cụ theo dõi đánh giá, sự phát triển của trẻ mẫu giáo năm tuổi.

b) Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi là căn cứ để xây dựng chương trình, tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn các bậc cha mẹ và cộng đồng trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em 5 tuổi nhằm nâng cao nhận thức về sự phát triển của trẻ em. Trên cơ sở đó tạo sự thống nhất trong chăm sóc, giáo dục trẻ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

2. Một số nguyên tắc khi sử dụng Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi để đánh giá trẻ

- Nguyên tắc 1: Đánh giá trẻ trong mối quan hệ và liên hệ.
- Nguyên tắc 2: Đánh giá trẻ trong môi trường gần với môi trường sống của trẻ.
- Nguyên tắc 3: Đánh giá trẻ trong hoạt động.
- Nguyên tắc 4: Đánh giá trẻ trong sự phát triển.

- Nguyên tắc 5: Đảm bảo tính khách quan, nhất quán, kết hợp giữa phân tích định tính và định lượng.

Hoạt động 5: Nội dung Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi

NHIỆM VỤ

Bạn đã biết Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi. Hãy nêu một cách ngắn gọn cấu trúc và nội dung của nó theo gợi ý sau:

- Cấu trúc của Bộ Chuẩn PTTE5T:

- Nội dung Bộ Chuẩn PTTE5T:

+ Lĩnh vực phát triển thể chất: Các chuẩn và chỉ số của lĩnh vực phát triển thể chất.

+ Lĩnh vực phát triển tình cảm và quan hệ xã hội:

+ Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp:

+ Lĩnh vực phát triển nhận thức:

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để hiểu rõ nội dung Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Cấu trúc của Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi

Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi được trình bày theo cấu trúc sau:

Lĩnh vực phát triển
Chuẩn
Chỉ số

Lĩnh vực phát triển: là phạm vi phát triển, được định nghĩa theo quy mô rộng về sự phát triển của trẻ.

Chuẩn: là những mong đợi về những gì trẻ em nên biết và có thể làm được.

Chỉ số: là những mô tả hành vi hay kỹ năng có thể quan sát mà ta mong trẻ đạt được trong Chuẩn đã định.

Bộ Chuẩn PTTE5T gồm 4 lĩnh vực, 28 chuẩn và 120 chỉ số.

2. Nội dung Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi

Bộ Chuẩn PTTE5T gồm 4 lĩnh vực: Phát triển thể chất; Phát triển tình cảm và quan hệ xã hội; Phát triển ngôn ngữ và giao tiếp; Phát triển nhận

thức. Bốn lĩnh vực này thể hiện được sự phát triển toàn diện của trẻ. Trong Bộ Chuẩn PTTE5T, tuy 4 lĩnh vực được trình bày độc lập, song trong thực tế, chúng liên quan chặt chẽ với nhau, sự phát triển của trẻ ở lĩnh vực này ảnh hưởng và phụ thuộc vào sự phát triển ở những lĩnh vực khác và không có lĩnh vực nào quan trọng hơn lĩnh vực nào.

a) Lĩnh vực phát triển thể chất

CHUẨN	CHỈ SỐ
Chuẩn 1. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn	Chỉ số 1. Bật xa tối thiểu 50cm; Chỉ số 2. Nhảy xuống từ độ cao 40cm; Chỉ số 3. Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m; Chỉ số 4. Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.
Chuẩn 2. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ	Chỉ số 5. Tự mặc và cởi được áo, quần; Chỉ số 6. Tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ; Chỉ số 7. Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản; Chỉ số 8. Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.
Chuẩn 3. Trẻ có thể phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động	Chỉ số 9. Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu; Chỉ số 10. Đập và bắt được bóng bằng 2 tay; Chỉ số 11. Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m × 0,25m × 0,35m).
Chuẩn 4. Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể	Chỉ số 12. Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 – 7 giây; Chỉ số 13. Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian; Chỉ số 14. Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.

CHUẨN	CHỈ SỐ
Chuẩn 5. Trẻ có hiểu biết, thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng	<p>Chỉ số 15. Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn;</p> <p>Chỉ số 16. Tụ rửa mặt, chải răng hằng ngày;</p> <p>Chỉ số 17. Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp;</p> <p>Chỉ số 18. Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng;</p> <p>Chỉ số 19. Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hằng ngày;</p> <p>Chỉ số 20. Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.</p>
Chuẩn 6. Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân	<p>Chỉ số 21. Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm;</p> <p>Chỉ số 22. Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm;</p> <p>Chỉ số 23. Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm;</p> <p>Chỉ số 24. Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép;</p> <p>Chỉ số 25. Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm;</p> <p>Chỉ số 26. Biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc.</p>

b) Lĩnh vực phát triển tình cảm và quan hệ xã hội

CHUẨN	CHỈ SỐ
Chuẩn 7. Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân	<p>Chỉ số 27. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình;</p> <p>Chỉ số 28. Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân;</p> <p>Chỉ số 29. Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân;</p> <p>Chỉ số 30. Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.</p>
Chuẩn 8. Trẻ tin tưởng vào khả năng của bản thân	<p>Chỉ số 31. Cố gắng thực hiện công việc đến cùng;</p> <p>Chỉ số 32. Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc;</p>

CHUẨN	CHỈ SỐ
	<p>Chỉ số 33. Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày;</p> <p>Chỉ số 34. Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.</p>
<p>Chuẩn 9. Trẻ biết thể hiện cảm xúc</p>	<p>Chỉ số 35. Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác;</p> <p>Chỉ số 36. Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói và cử chỉ, nét mặt;</p> <p>Chỉ số 37. Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè;</p> <p>Chỉ số 38. Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp;</p> <p>Chỉ số 39. Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc;</p> <p>Chỉ số 40. Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh;</p> <p>Chỉ số 41. Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.</p>
<p>Chuẩn 10. Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn</p>	<p>Chỉ số 42. Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;</p> <p>Chỉ số 43. Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;</p> <p>Chỉ số 44. Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi;</p> <p>Chỉ số 45. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn;</p> <p>Chỉ số 46. Có nhóm bạn chơi thường xuyên;</p> <p>Chỉ số 47. Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.</p>
<p>Chuẩn 11. Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh</p>	<p>Chỉ số 48. Lắng nghe ý kiến của người khác;</p> <p>Chỉ số 49. Trao đổi ý kiến của mình với các bạn;</p> <p>Chỉ số 50. Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;</p> <p>Chỉ số 51. Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;</p> <p>Chỉ số 52. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.</p>

CHUẨN	CHỈ SỐ
Chuẩn 12. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội	<p>Chỉ số 53. Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;</p> <p>Chỉ số 54. Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;</p> <p>Chỉ số 55. Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;</p> <p>Chỉ số 56. Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường;</p> <p>Chỉ số 57. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hằng ngày.</p>
Chuẩn 13. Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác	<p>Chỉ số 58. Nói được khả năng và sở thích của bạn và người thân;</p> <p>Chỉ số 59. Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình;</p> <p>Chỉ số 60. Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.</p>

c) Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp

CHUẨN	CHỈ SỐ
Chuẩn 14. Trẻ nghe hiểu lời nói	<p>Chỉ số 61. Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi;</p> <p>Chỉ số 62. Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;</p> <p>Chỉ số 63. Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi;</p> <p>Chỉ số 64. Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.</p>
Chuẩn 15. Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp và biểu lộ cảm xúc, ý nghĩ	<p>Chỉ số 65. Nói rõ ràng;</p> <p>Chỉ số 66. Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hằng ngày;</p> <p>Chỉ số 67. Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp;</p> <p>Chỉ số 68. Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;</p>

CHUẨN	CHỈ SỐ
	<p>Chỉ số 69. Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;</p> <p>Chỉ số 70. Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được;</p> <p>Chỉ số 71. Kể lại được nội dung câu chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;</p> <p>Chỉ số 72. Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.</p>
<p>Chuẩn 16. Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp</p>	<p>Chỉ số 73. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;</p> <p>Chỉ số 74. Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;</p> <p>Chỉ số 75. Chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác;</p> <p>Chỉ số 76. Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;</p> <p>Chỉ số 77. Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;</p> <p>Chỉ số 78. Không nói tục, chửi bậy.</p>
<p>Chuẩn 17. Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc</p>	<p>Chỉ số 79. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;</p> <p>Chỉ số 80. Thể hiện sự thích thú với sách;</p> <p>Chỉ số 81. Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.</p>
<p>Chuẩn 18. Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc</p>	<p>Chỉ số 82. Biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;</p> <p>Chỉ số 83. Có một số hành vi như người đọc sách;</p> <p>Chỉ số 84. “Đọc” theo truyện tranh đã biết;</p> <p>Chỉ số 85. Biết kể chuyện theo tranh.</p>

CHUẨN	CHỈ SỐ
Chuẩn 19. Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc viết	Chỉ số 86. Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói; Chỉ số 87. Biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân; Chỉ số 88. Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái; Chỉ số 89. Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình; Chỉ số 90. Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; Chỉ số 91. Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.

d) Lĩnh vực phát triển nhận thức

CHUẨN	CHỈ SỐ
Chuẩn 20. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên	Chỉ số 92. Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung; Chỉ số 93. Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên; Chỉ số 94. Nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống; Chỉ số 95. Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
Chuẩn 21. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội	Chỉ số 96. Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng; Chỉ số 97. Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống; Chỉ số 98. Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.
Chuẩn 22. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình	Chỉ số 99. Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc; Chỉ số 100. Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;

CHUẨN	CHỈ SỐ
	<p>Chỉ số 101. Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;</p> <p>Chỉ số 102. Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản;</p> <p>Chỉ số 103. Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.</p>
<p>Chuẩn 23. Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo</p>	<p>Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10;</p> <p>Chỉ số 105. Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm;</p> <p>Chỉ số 106. Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.</p>
<p>Chuẩn 24. Trẻ nhận biết về một số hình hình học và định hướng trong không gian</p>	<p>Chỉ số 107. Chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu;</p> <p>Chỉ số 108. Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.</p>
<p>Chuẩn 25. Trẻ có một số nhận biết ban đầu về thời gian</p>	<p>Chỉ số 109. Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự;</p> <p>Chỉ số 110. Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày;</p> <p>Chỉ số 111. Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.</p>
<p>Chuẩn 26. Trẻ tò mò và ham hiểu biết</p>	<p>Chỉ số 112. Hay đặt câu hỏi;</p> <p>Chỉ số 113. Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.</p>
<p>Chuẩn 27. Trẻ thể hiện khả năng suy luận</p>	<p>Chỉ số 114. Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân – kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày;</p> <p>Chỉ số 115. Loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại;</p> <p>Chỉ số 116. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.</p>

CHUẨN	CHỈ SỐ
Chuẩn 28. Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo	Chỉ số 117. Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát; Chỉ số 118. Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình; Chỉ số 119. Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau; Chỉ số 120. Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác.

NHIỆM VỤ

Hoạt động 6: Cách sử dụng Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi

Bạn hãy trao đổi, chia sẻ với đồng nghiệp về việc sử dụng Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi theo những gợi ý sau:

- Mối quan hệ giữa Bộ Chuẩn PTTE5T và chương trình GDMN (cho trẻ 5T).
- Sử dụng Bộ Chuẩn PTTE5T nhằm nâng cao chất lượng chương trình GDMN.
- Các bước xây dựng bộ công cụ đánh giá sự phát triển của trẻ 5 tuổi.
- Cách ghi chép kết quả phát triển của trẻ theo Bộ Chuẩn PTTE5T.

Sau đó hãy cùng nhau đối chiếu với những thông tin dưới đây để tăng thêm hiểu biết về cách sử dụng Bộ Chuẩn PTTE5T.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Sử dụng Bộ Chuẩn PTTE5T hỗ trợ thực hiện chương trình GDMN.

1. Hỗ trợ xác định mục tiêu giáo dục theo 5 lĩnh vực

- Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi gồm 28 chuẩn, 120 chỉ số. Đây chính là mục tiêu giáo dục cụ thể đầu ra của trẻ mẫu giáo 5 tuổi cần đạt được trong và sau quá trình giáo dục.
- 120 chỉ số trong Bộ Chuẩn được thực hiện trong các chủ đề của năm học. Vào đầu năm học, căn cứ vào các chủ đề dự kiến, giáo viên phân bổ các mục tiêu phù hợp nhất với từng chủ đề.

Ví dụ: Gợi ý xác định mục tiêu giáo dục của chủ đề thứ nhất/chủ đề bản thân.

- * *Lĩnh vực phát triển thể chất*
 - Tự mặc và cởi được áo, quần;
 - Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m);
 - Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.
- * *Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*
 - Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình;
 - Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;
 - Biết lắng nghe ý kiến của người khác;
 - Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;
- * *Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*
.....
- * *Lĩnh vực phát triển nhận thức*
.....
- * *Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*
.....

2. Hỗ trợ lựa chọn nội dung giáo dục

- Dựa vào mục tiêu giáo dục, giáo viên cụ thể hoá hoặc bổ sung nội dung giáo dục trong chương trình GDMN tương ứng với mục tiêu (các chỉ số).

Ví dụ: Gợi ý 1 – Lựa chọn nội dung giáo dục trong lĩnh vực phát triển thể chất

Mục tiêu giáo dục cụ thể (chỉ số)	Nội dung giáo dục (trong chương trình)
– Tự mặc và cởi được áo, quần	+ Các loại cử động của bàn tay, ngón tay và cổ tay. + Lắp ráp các hình, xâu luồn các hạt, buộc dây. + Cài, cởi cúc áo, quần, kéo khoá.
– Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m).	+ Đi nối bàn chân tiến, lùi. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván dốc, đi trên ghế thể dục.

Ví dụ: Gợi ý 2 – Lựa chọn nội dung giáo dục trong lĩnh vực phát triển tình cảm – kĩ năng xã hội:

Mục tiêu giáo dục (chỉ số)	Nội dung giáo dục (trong chương trình)
– Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân	– Sở thích, khả năng của bản thân. – Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. – Vị trí, trách nhiệm của bản thân trong gia đình, ở lớp học.
– Lắng nghe ý kiến của người khác	– Các hành vi, cử chỉ lịch sự, tôn trọng người nói khi giao tiếp với bạn bè và người lớn: chú ý, nhìn vào mắt người nói, lắng nghe người nói, đặt câu hỏi đúng lúc, không cắt ngang người nói. – Mạnh dạn, tự tin chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp. – Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện.

3. Lựa chọn hoạt động giáo dục

- Từ nội dung giáo dục được lựa chọn, giáo viên có thể lựa chọn, thiết kế hoạt động phù hợp với chủ đề để tổ chức cho trẻ hoạt động.
- Với một nội dung giáo dục, giáo viên có thể thiết kế các hoạt động khác nhau như trò chuyện, khám phá, chơi, học, lao động... phù hợp với khả năng, hứng thú của trẻ, với điều kiện vật chất sẵn có... Các hoạt động này được tổ chức thực hiện vào các thời điểm phù hợp trong ngày.

Ví dụ: Gợi ý lựa chọn hoạt động:

Mục tiêu giáo dục	Nội dung	Hoạt động
– Lắng nghe ý kiến người khác	<ul style="list-style-type: none"> – Các hành vi, cử chỉ lịch sự, tôn trọng bạn bè và người lớn khi giao tiếp: chú ý, nhìn vào mắt người nói, lắng nghe người nói, đặt câu hỏi đúng lúc, không cắt ngang người nói. – Mạnh dạn, tự tin chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp. – Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện. 	<ul style="list-style-type: none"> – Trò chuyện về các hành vi, cử chỉ lịch sự, tôn trọng lẫn nhau khi giao tiếp với bạn bè. – Trò chơi: “Làm theo người chỉ huy”, “Ai chăm chú nhất?”, “Người biết lắng nghe”. – Nghe kể chuyện. – Kể chuyện nối tiếp. – Thảo luận theo nhóm.

4. Bộ Chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi là cơ sở xây dựng bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ (danh mục kiểm tra)

Mục đích sử dụng danh mục kiểm tra:

** Đối với giáo viên*

- Theo dõi sự phát triển đối với từng trẻ em.
- Ghi chép lại những tiến bộ của từng trẻ em theo thời gian.
- Tổng hợp các kết quả thành một hồ sơ lớp học.
- Sử dụng hồ sơ lớp học trong việc lập, điều chỉnh kế hoạch các hoạt động và thiết kế chúng phù hợp với nhu cầu của trẻ.
- Sử dụng làm thông tin để báo cáo, trao đổi với các bậc phụ huynh.

** Đối với cán bộ quản lí*

Bộ công cụ được sử dụng để đánh giá sự phát triển của trẻ, thông qua kết quả thu được có thể xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả phát

triển của trẻ, làm căn cứ để xây dựng, điều chỉnh kế hoạch chung của nhà trường: đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

* *Đối với cha mẹ*

Bộ công cụ được sử dụng để theo dõi sự phát triển của trẻ, phối hợp với giáo viên để thống nhất các biện pháp, hoạt động giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ.

5. Các bước xây dựng bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ

Bộ công cụ theo dõi sự phát triển của trẻ bao gồm:

- Phiếu theo dõi sự phát triển của trẻ/ danh mục kiểm tra;
- Các bài tập đánh giá, các phương pháp theo dõi sự phát triển của trẻ;
- Các phương tiện: các dụng cụ hỗ trợ như đồ dùng, đồ chơi, học liệu có liên quan...

Bước 1. Lựa chọn các chỉ số cần theo dõi.

- Xác định khoảng 30 – 40 chỉ số để tạo thành một danh mục kiểm tra. Các chỉ số được lựa chọn cần:
 - + Đại diện cho tất cả các lĩnh vực, chuẩn và chỉ số của Bộ Chuẩn;
 - + Đại diện cho các kiến thức, kĩ năng, thái độ đang dạy trẻ;
 - + Phù hợp với những gì sẽ dạy ở lớp Một;
 - + Tính đến tần suất giáo viên sử dụng công cụ, các vùng miền/bối cảnh khác nhau.

Bước 2. Thống nhất thang điểm: đánh dấu +/–; có/không.

Bước 3. Nghiên cứu minh chứng của các chỉ số để lựa chọn phương pháp theo dõi, kiểm tra, dụng cụ hỗ trợ;

Bước 4. Thảo luận về danh mục kiểm tra xem những phương pháp sử dụng sẽ cho kết quả có chính xác không, các dụng cụ sử dụng kèm theo có phù hợp không; có để sử dụng không, từ đó sửa và hoàn chỉnh;

Bước 5. Thử nghiệm danh mục kiểm tra bằng cách đóng vai trẻ và người kiểm tra để thống nhất cách thực hiện đối với từng chỉ số.

6. Sử dụng bộ công cụ

Bước 1. Theo dõi, đo trên trẻ.

Bước 2. Kết quả: đạt (+) và chưa đạt (-) dựa vào minh chứng, ghi vào phiếu theo dõi.

Mỗi chỉ số được đánh giá ở 2 mức độ:

- *Đạt:* Trẻ thường xuyên làm được/đạt được/biết được (biểu hiện năng lực của trẻ ổn định và không phụ thuộc vào môi trường), kí hiệu: +.
- *Chưa đạt:* Trẻ chưa làm được/chưa đạt được/chưa biết được (biểu hiện năng lực của trẻ còn chưa đạt, cần được giáo dục hỗ trợ thêm), kí hiệu: -.

7. Ghi kết quả vào phiếu theo dõi

a) Phiếu theo dõi đánh giá sự phát triển cá nhân trẻ 5 tuổi

Trường: Lớp:

Họ tên trẻ: Ngày sinh:

Ngày kiểm tra:

TT chỉ số	Chỉ số	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chụm 2 chân bập xa tối thiểu 50cm		-
2	Nhảy xuống từ độ cao 40cm	+	
3	Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa tối thiểu 4m	+	
...		

b) Phiếu theo dõi đánh giá sự phát triển của lớp/nhóm trẻ (theo chủ đề)

Trường: Lớp:

Thời gian theo dõi, đánh giá: từ đến.....

Số TT	Họ tên trẻ	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5	CS26
1	Nguyễn Thành An	+	+					
2	—————	+	+					
		+	+					
		+	+					
		-	+					
		-	-					
35		-	+					
Tổng		> 70%	> 85%	< 70%

c) Điều chỉnh kế hoạch giáo dục

Căn cứ vào Bảng tổng hợp đánh giá sự phát triển của nhóm/lớp theo Bộ Chuẩn PTTE5T, giáo viên xem xét điều chỉnh kế hoạch giáo dục của tháng/chủ đề, tuần, ngày tiếp theo.

* *Điều chỉnh kế hoạch chủ đề tiếp theo*

Cụ thể: Đối với những chỉ số có số trẻ đạt dưới 70% thì giáo viên tiếp tục đưa vào mục tiêu giáo dục của chủ đề tiếp theo. Đối với những chỉ số có số trẻ đạt trên 70%, giáo viên đếm số trẻ chưa đạt được chỉ số này để trẻ được rèn luyện mọi lúc, mọi nơi trong quá trình giáo dục và phối hợp với phụ huynh để giúp trẻ đạt được.

Do đó, mục tiêu giáo dục của chủ đề tiếp theo sẽ gồm các chỉ số mới cộng thêm các chỉ số được chuyển từ chủ đề trước sang (những chỉ số có số trẻ đạt dưới 70%).

* *Điều chỉnh kế hoạch ngày*

Những chỉ số trẻ chưa đạt (-), giáo viên điều chỉnh các hoạt động phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ.

8. Thống nhất việc chăm sóc – giáo dục trẻ 5 tuổi giữa gia đình và nhà trường theo Bộ Chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi

a) Mục đích

Tạo sự liên kết và thống nhất giữa giáo viên và các bậc cha mẹ trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ ở gia đình và nhà trường.

b) Nội dung

- Tuyên truyền cho các bậc cha mẹ về vai trò, lợi ích của Bộ Chuẩn PTTE5T với việc chăm sóc, giáo dục trẻ 5 tuổi.
- Giới thiệu kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ theo các chỉ số đã lựa chọn nhằm tạo được sự liên kết và thống nhất giữa trường mầm non và cha mẹ trong thực hiện chăm sóc, giáo dục trẻ ở lớp học cũng như ở gia đình.
- Hướng dẫn các bậc cha mẹ có những mong đợi hợp lý với trẻ 5 tuổi, hướng vào tất cả các lĩnh vực phát triển của trẻ (thể chất và vận động, tình cảm, xã hội, ngôn ngữ, nhận thức). Giúp các bậc cha mẹ có hiểu biết cơ bản về đặc điểm PTTE5T, biết khuyến khích các thiên hướng và tài năng thật sự của trẻ, nhưng tránh ép trẻ thực hiện các yêu cầu quá cao, không phù hợp với độ tuổi.
- Gợi ý cho các bậc cha mẹ thực hiện các hoạt động giáo dục trong gia đình để đạt được các chỉ số của Bộ chuẩn PTTE5T. Ví dụ: Để trẻ biết cách “Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng”: cha mẹ có thể cho trẻ cùng chuẩn bị bàn ăn đồng thời cho trẻ phân loại các loại bát tô đựng canh, bát ăn cơm, đĩa đựng rau...; các loại bát bằng sứ, các loại đĩa bằng gỗ, các loại bằng kim loại...

c) Cách thực hiện

Để nâng cao nhận thức về sự phát triển của trẻ 5 tuổi cho các bậc cha mẹ và cộng đồng, tạo sự thống nhất trong giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội, giáo viên có thể thực hiện thông qua những hình thức như sau:

- Giới thiệu về Bộ Chuẩn PTTE5T tại góc tuyên truyền của trường và các lớp mẫu giáo 5 tuổi.
- Sử dụng đa dạng các hình thức tuyên truyền như tờ rơi, thư ngỏ, trò chuyện, hội thảo, hội họp định kì, phát thanh... để phổ biến về các thông tin cần thiết về Bộ Chuẩn: nội dung Bộ Chuẩn; vai trò, lợi ích của Bộ chuẩn PTTE5T với việc chăm sóc, giáo dục trẻ 5 tuổi; cách theo dõi, đánh giá mức độ phát triển của trẻ thông qua các chỉ số.

- Trao đổi, giải đáp thắc mắc của phụ huynh thông qua giờ đón, trả trẻ tại lớp.
- Mời phụ huynh tham quan, dự một số hoạt động giáo dục của trẻ 5 tuổi, qua đó phụ huynh hiểu thêm về nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục hướng đến trẻ đạt các chỉ số trong Bộ chuẩn PTTE5T.
- Tổ chức tư vấn theo nhóm cho phụ huynh theo nhu cầu.

Một số hoạt động giáo dục gợi ý giúp trẻ hướng tới đạt chuẩn PTTE5T:

Chuẩn 1. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Cung cấp cho trẻ nhiều cơ hội để hoạt động thể chất trong và ngoài lớp, học một cách thường xuyên và liên tục nhằm phát triển: Các kĩ năng vận động, di chuyển: đi, chạy, nhảy, trượt, nhảy lò cò, bò; Các kĩ năng vận động tại chỗ: cúi, quay, dang tay, cân bằng, đẩy, lắc lư...; Các kĩ năng thao tác: lăn, đá, bắt, đập, ném...
- 2) Dạy trẻ cách đi đúng tư thế.
- 3) Cung cấp các thiết bị an toàn và môi trường để rèn luyện các nhóm cơ khác nhau (như: xe đạp ba bánh, lốp xe cao su, vòng nhựa, bóng, bập bênh, các thiết bị leo trèo).
- 4) Dạy trẻ những kĩ năng mới (như: nhảy dây, ném qua đầu, nhảy qua dây, bơi).
- 5) Cung cấp một số các hoạt động sử dụng một bên cơ thể trong một khoảng thời gian nhất định (như đứng trên một chân, nhảy lò cò).
- 6) Cung cấp cơ hội để trẻ thực hiện các hoạt động sử dụng cả 2 bên cơ thể (như: đi thăng bằng, leo, đi cúi lom khom).
- 7) Cuốn hút trẻ vào những công việc lao động chân tay nhỏ, đơn giản hàng ngày (nhặt vứt rác, quét lá trên sân trường, dọn chỗ để chơi).

Chuẩn 2. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Cung cấp các hoạt động cần có sự bám chắc của tay (ví dụ: cầm xéng xúc cát).
- 2) Cung cấp các hoạt động cần có sự giữ chắc của các ngón tay (ví dụ: xé những mảnh giấy nhỏ, xâu hạt, tết sọt dây).

- 3) Cho trẻ nhiều cơ hội để thực hành tự mặc quần áo, tự cài cúc, tự đi giày, buộc dây giày, dây mũ.
- 4) Cho trẻ nhiều cơ hội để sử dụng các loại phương tiện làm thủ công, viết, vẽ như bút chì, phấn, kéo, bút sáp, màu nước, giấy, dây buộc, len, hạt.
- 5) Cuốn hút trẻ vào các hoạt động có sử dụng các cơ nhỏ (ví dụ: dọn bàn, đếm thìa, chọn các đồ dùng cho vào rổ, đếm các que tính).

Chuẩn 3. Trẻ có thể phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Trong độ tuổi mẫu giáo sự phát triển của chức năng thăng bằng diễn ra từ việc giữ một tư thế nhất định (ngồi, đứng, bò và cuối cùng là đi) cho đến khả năng giữ ổn định vị trí của cơ thể trong bất kì chuyển động hoặc tư thế, dáng điệu nào. Quá trình phát triển khả năng giữ thăng bằng diễn ra mạnh mẽ nhất khi trẻ 5 tuổi. Giữ thăng bằng đòi hỏi sự tập trung chú ý, phối hợp vận động, phản ứng nhanh và đúng, sự dũng cảm và bình tĩnh. Vì vậy, các bài tập phát triển thăng bằng phải thực hiện trước khi cho trẻ thực hiện các vận động đòi hỏi nhịp độ nhanh, sự linh hoạt lớn như chạy, nhảy...
- 2) Cung cấp cho trẻ đa dạng các trò chơi và các bài hát sử dụng nhiều đến vận động các bộ phận của cơ thể.
- 3) Cảm giác thăng bằng thường được luyện tập trên diện tích nhỏ, buộc trẻ phải giữ cơ thể khỏi ngã, giảm tất cả những động tác vụng về như đi trên đường nhỏ, đi trên gối tròn, đi trên mũi chân, đứng một chân, dừng lại sau khi chạy... Các bài tập được thực hiện trong các trò chơi, ở các giờ học và tận dụng trong các hoạt động sinh hoạt hằng ngày.
- 4) Tổ chức cho trẻ chơi nhiều trò chơi sử dụng tối đa số lượng các giác quan, sự phối hợp tay mắt.
- 5) Cho trẻ nhiều cơ hội được chơi với các bạn.

Chuẩn 4. Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Hằng ngày cung cấp nhiều cơ hội đa dạng để trẻ có các hoạt động vận động thú vị và tạo ra những thử thách về mặt thể chất (Ví dụ: dọn lớp học, bê bàn ghế, dọn đệm sau giờ ngủ trưa, sắp xếp lại vị trí các đồ vật...).

- 2) Mỗi ngày dành ít nhất là 60 phút để tổ chức các hoạt động phát triển thể chất.
- 3) Cho trẻ một số cơ hội để thực hiện các hoạt động thể chất đòi hỏi trẻ phải gắng sức để hoàn thành.
- 4) Cho trẻ những cơ hội để đạt được những mục tiêu vận động mới (như: nhảy qua những chiếc hộp nhỏ, nhảy vòng tròn bằng một chân, ném bóng qua đầu, chạy nhanh, chạy với những tốc độ khác nhau).
- 5) Thường xuyên thực hiện cùng trẻ nhiều hoạt động rèn luyện thể chất (như: bơi lội, đi bộ, đi bộ đường dài, chơi bóng, đánh trống).
- 6) Cho trẻ có đủ thời gian để luyện tập và kiên trì theo đuổi một hoạt động nào đó để hình thành khả năng chịu đựng và sự tự tin vào bản thân.

Chuẩn 5. Trẻ có hiểu biết và thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục

- 1) Tổ chức nhiều hoạt động để trẻ thích thú khám phá về các bộ phận của cơ thể. Giải thích cho trẻ hiểu và minh họa về ý nghĩa của vệ sinh đối với sức khỏe của trẻ và hướng dẫn trẻ cách bảo vệ các bộ phận trên cơ thể.
- 2) Nói chuyện với trẻ về các công việc trẻ phải tự làm hằng ngày cho bản thân. Hướng dẫn và cung cấp cho trẻ nhiều cơ hội để trẻ có thể tự phục vụ mình trong sinh hoạt.
- 3) Cho trẻ đủ thời gian để hoàn thành công việc khi trẻ đã bắt đầu thực hiện.
- 4) Cho trẻ cơ hội được tự lựa chọn các đồ dùng vệ sinh cho bản thân (như: bàn chải đánh răng, khăn mặt, lược chải đầu...) và từng trẻ có chỗ để đồ dùng cố định của bản thân.
- 5) Giúp trẻ nhận biết được các dấu hiệu khi mình bị mệt mỏi và cần được nghỉ ngơi.
- 6) Cho trẻ cơ hội để được giúp đỡ trẻ bé hơn hoặc các bạn khác trong sinh hoạt hằng ngày.
- 7) Thảo luận với trẻ về những thức ăn thích và không thích. Cùng nói về sự lựa chọn thức ăn. Trò chuyện với trẻ về thực phẩm và giải thích tại sao thực phẩm này lại bổ hơn những thực phẩm khác (Ví dụ: hoa quả bổ hơn kẹo).

- 8) Làm mẫu cho trẻ thấy cách rửa rau, rửa hoa quả và giải thích tại sao.
- 9) Lôi cuốn trẻ vào việc chuẩn bị, bảo quản và ăn những thức ăn bổ dưỡng.
- 10) Kiên nhẫn và kiên trì trong việc hướng dẫn các kỹ năng tự vệ sinh cho trẻ và cho trẻ đủ thời gian để thực hiện công việc và hình thành kỹ năng. Tận dụng rèn luyện thói quen cho trẻ trong tất cả các hoạt động sinh hoạt trong từng ngày, coi hình thức này là chủ đạo, không thiên theo hướng dạy trên các giờ học tập trung.

Chuẩn 6. Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Xây dựng các quy định thống nhất về các hành vi đảm bảo an toàn của trẻ trong trường mầm non (MN). Các nội dung giáo dục an toàn bao gồm: an toàn về lửa, về điện, về độ cao, an toàn khi tham gia giao thông, khi uống thuốc, an toàn với nước, an toàn với các chất độc hại và an toàn khi tiếp xúc với người lạ.
- 2) Thảo luận cùng trẻ về các quy định đó và cùng tập cách phòng tránh.
- 3) Đọc các câu chuyện trong đó trẻ gặp các mối nguy hiểm và thảo luận xem cần phải xử lý như thế nào.
- 4) Cung cấp các con rối và các phương tiện chơi đóng vai, các bài hát, bài thơ giúp trẻ hiểu có thể tin cậy ai và như thế nào. (Ví dụ: “Con hãy nói cho bạn búp bê biết không được cho ngón tay vào khe cửa như thế nào”.)
- 5) Có các tranh ảnh về hành vi đảm bảo an toàn cho trẻ (Ví dụ: ảnh trẻ đội mũ bảo hiểm khi đi trên xe máy...).
- 6) Cho trẻ được làm quen với các địa chỉ có thể đảm bảo sự an toàn cho trẻ như: phòng y tế, trạm xá, đồn công an và những người có thể giúp đỡ trẻ trong các trường hợp gặp nguy hiểm (những người lớn trong trường MN, bác sĩ, chú công an, chú cứu hoả, bác sĩ thú y...).
- 7) Trò chuyện với trẻ về các tình huống nguy hiểm và cách xử trí khi gặp những tình huống đó.
- 8) Cung cấp cho trẻ các cơ hội để được quan sát và thực hành cách phòng chống tai nạn (Thủ báo động cháy trong nhà trường; Quan sát trẻ em đội mũ bảo hiểm đi trên đường...).
- 9) Dạy trẻ cách gọi các số 115 hoặc 113 khi cần thiết.

Chuẩn 7. Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Khuyến khích trẻ hoạt động trong các nhóm khác nhau để trẻ có thể hiểu rõ hơn về bản thân mình.
- 2) Cung cấp nhiều vật dụng và giúp trẻ có các trải nghiệm khác nhau để khám phá khả năng của bản thân.
- 3) Tạo cho trẻ nhiều cơ hội để tham gia vào những hoạt động mà trẻ yêu thích.
 - Trong quá trình giáo dục trẻ giáo viên cần chú ý:
 - + Cho trẻ đủ thời gian để cân nhắc và chọn lựa (đỏ chơi, trò chơi, bạn chơi, sách đọc, bày tỏ ý kiến...).
 - + Tôn trọng sở thích và quyết định của trẻ.
 - + Tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi khác nhau (như: trò chơi gọi tên để giúp trẻ học và nhớ thông tin cá nhân, chơi đóng vai, đóng kịch...).
- 4) Tổ chức các cuộc trò chuyện, thảo luận để trẻ biểu lộ những suy nghĩ, xúc cảm của mình, tự tin, tự hào giới thiệu về bản thân (tên, tuổi, sở thích, khả năng...) với mọi người.
 - Đọc, kể chuyện, thơ, ca dao có nội dung giáo dục trẻ ý thức về bản thân, tự tin, tự lực.
 - Động viên trẻ vẽ, làm sách tranh thể hiện sở thích và khả năng của bản thân.
 - Lao động vừa sức: rửa tay, rửa mặt, mặc quần áo, lựa chọn, sắp xếp đồ dùng, đồ chơi.
 - Khuyến khích trẻ lựa chọn trò chơi, vai chơi, vật liệu chơi để trải nghiệm khám phá về bản thân: đo chiều cao, sử dụng các giác quan và nhận biết chức năng của chúng, cách giữ gìn và bảo vệ thân thể...
 - Tổ chức các hoạt động theo nhóm trong lớp như lao động trực nhật, làm tranh chung, chơi cùng nhau.

Chuẩn 8. Trẻ tin tưởng vào khả năng của bản thân.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ:

- 1) Tổ chức các hoạt động, các trò chơi theo nhóm để trẻ có thể thay đổi hoặc tạo ra những quy tắc riêng và giải quyết những mâu thuẫn.

- 2) Tạo cơ hội cho trẻ lựa chọn trong các hoạt động (Lựa chọn kích cỡ và màu của bút, phấn, sáp; Lựa chọn màu vẽ; Lựa chọn khổ giấy; Lựa chọn vật liệu chơi; Lựa chọn sách; Lựa chọn trò chơi...).
 - 3) Để trẻ tự điều khiển cuộc chơi, không giúp đỡ trẻ khi chưa cần thiết và trẻ chưa yêu cầu.
 - 4) Lưu ý tới những đề xuất giải quyết vấn đề của trẻ và thủ thực hiện (trong giới hạn cho phép và an toàn).
 - 5) Tạo cơ hội và khuyến khích trẻ thể hiện ý tưởng, đóng góp những kinh nghiệm và kiến thức của mình trong các hoạt động.
 - 6) Ủng hộ những cố gắng của trẻ trong việc giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn.
 - 7) Giao trách nhiệm cho trẻ trực nhật hằng ngày (như: chia quà, lau dọn, xếp đồ chơi...).
- Công nhận sự sáng tạo và hoàn thành công việc của trẻ (như: “Con đã tìm ra lời giải cho câu đố đó thật là nhanh. Con đã làm nó như thế nào?”).
 - Khen ngợi trẻ khi trẻ biết tự giải quyết khó khăn, không giúp đỡ trẻ cho đến khi trẻ xin được trợ giúp.
 - Hỏi ý kiến trẻ về các vấn đề liên quan đến trẻ một cách thích hợp, thảo luận với trẻ về những suy nghĩ của trẻ.
 - Gọi cho trẻ nhớ về những sự kiện tích cực trong cuộc sống của trẻ. Trò chuyện với trẻ về những thành công của trẻ.
 - Hỏi trẻ ý kiến về mọi việc: “Con nghĩ thế nào về câu chuyện chúng ta vừa nghe?”, “Con thích nhân vật nào?”. Nếu chúng ta cân nhắc ý kiến của đứa trẻ, trẻ sẽ thấy mình đặc biệt quan trọng và giá trị. Không nên chèn trách trẻ hoặc nói rằng ý kiến của trẻ là không đúng, thay vào đó chúng ta có thể nói: “Đó cũng là một cách nhìn sự việc” hoặc “Con thật sáng tạo!”.

Chuẩn 9. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Trò chuyện về các loại cảm xúc khác nhau trong kinh nghiệm của trẻ. Tạo nhiều cơ hội cho trẻ để chia sẻ và nói về các cảm xúc của mình với người lớn và bạn bè, giúp trẻ hiểu và khám phá các cách biểu hiện tình

cảm trong cuộc sống hàng ngày qua lời nói, bằng nét mặt, cử chỉ, điệu bộ. Khuyến khích trẻ thể hiện cảm xúc của mình trong các hoạt động như vui chơi, khám phá thế giới xung quanh, khi xem tranh, đọc sách, nghe kể chuyện, khi hoàn thành một công việc thú vị nào đó, khi giao tiếp với mọi người, khi muốn an ủi bạn...

- 2) Cung cấp cho trẻ nhiều phương tiện để thể hiện cảm xúc của mình.
- 3) Hướng dẫn trẻ thảo luận về cách giải quyết vấn đề và làm chủ các mâu thuẫn.
- 4) Tận dụng mọi cơ hội trong cuộc sống hàng ngày để trẻ học cách kiềm chế hành vi, thay đổi sự biểu lộ cảm xúc. Thúc đẩy trẻ thể hiện cảm xúc một cách phù hợp.
- 5) Cùng trẻ xây dựng các quy định về cách biểu lộ cảm xúc trong lớp học.
- 6) Cần xây dựng cho trẻ niềm đam mê vào những điều mà trẻ nhìn thấy, nghe thấy, cảm giác được, ngửi được, cảm nhận được và hướng sự chú ý quan tâm của trẻ vào những cái mới, tươi đẹp và sinh động.
- 7) Cho trẻ có nhiều thời gian và cơ hội để được quan sát, chiêm ngưỡng, chia sẻ với cô giáo về những nhận xét của mình và tự do thực hiện các công việc sáng tạo nghệ thuật của mình.
- 8) Tạo ra nhiều hoạt động đa dạng, có ý nghĩa để gieo vào lòng trẻ thái độ thương yêu có cây, con vật sống xung quanh.
- 9) Giáo viên cần đóng vai trò là người cung cấp các hình mẫu về cách thể hiện cảm xúc đối với con người và môi trường, thái độ quan tâm, chia sẻ đến tâm trạng của những người xung quanh, cách ứng xử đúng mực trong cuộc sống sinh hoạt cùng với trẻ.

Chuẩn 10. Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Tạo ra nhiều cơ hội để trẻ được cuốn hút vào các trò chơi đa dạng khác nhau cùng với các bạn trong lớp (chơi đóng vai, chơi ngoài trời, cùng làm chung một việc nào đó, cùng nhau chăm sóc cây, cùng vẽ, cùng nhảy múa...).
- 2) Hỗ trợ để trẻ học kĩ năng chơi cùng nhau bằng cách cô giáo ở gần bên cạnh trẻ, cung cấp cho trẻ nhiều đồ sân khấu để đóng vai, nhiều phương tiện để cùng làm, giúp trẻ phát triển các ý tưởng, kịp thời cùng trẻ giải quyết các mâu thuẫn phát sinh để tránh sự tan rã của nhóm chơi.

- 3) Tạo cho trẻ được chơi theo những nhóm nhỏ để mỗi trẻ có thể có được những vai trò nhất định trong nhóm và tăng tinh thần trách nhiệm ở trẻ.
- 4) Ngăn chặn kịp thời những hành vi bắt nạt bạn, dọa dẫm hoặc không cho bạn cùng chơi ở một số trẻ.
- 5) Tạo ra nhiều cơ hội để trẻ có thể giúp đỡ người khác (về tranh tặng các em nhỏ hay khóc nhe, giúp cô giáo trong một số công việc, an ủi những bạn bị đau hoặc đang khóc, giúp bác bảo vệ mở cổng...).
- 6) Đọc các câu chuyện trong đó các nhân vật có các hành động chia sẻ với nhau, biết chờ đợi đến lượt, chơi thuận hoà cùng nhau và sẵn sàng giúp đỡ người khác.
- 7) Giáo viên cần tạo ra nhiều cơ hội có thể nhất để trẻ quan hệ, giao tiếp với nhau trong lớp như thảo luận, trao đổi ý tưởng, giải quyết xung đột, thay đổi nội quy, chia sẻ kinh nghiệm, trải nghiệm những vai trò khác nhau.
- 8) Cùng trẻ trao đổi, thống nhất với nhau về những quy định trong cách ứng xử ở lớp học như: quy định về giám tiếng ồn trong lớp; về xếp thứ tự lần lượt trong các hoạt động đông người tham gia; về cách phát biểu và lắng nghe người khác nói. Trẻ cần được hiểu tại sao cần có quy định và cách thực hiện những quy định.
- 9) Khuyến khích trẻ tự giải quyết mâu thuẫn. Trẻ cần được cô giáo hỗ trợ về hướng giải quyết để phát triển khả năng suy nghĩ về vấn đề xảy ra và lựa chọn cách giải quyết chúng.
- 10) Cô giáo giúp trẻ hiểu rằng, mỗi người đều có ý kiến riêng của mình, nếu mình lắng nghe bạn nói, tôn trọng ý kiến của bạn thì ai cũng sẽ có một nhóm bạn chơi hoà thuận, vui vẻ.
- 11) Tạo nhiều cơ hội để trẻ nói về những suy nghĩ của mình, cô giáo khuyến khích trẻ tích cực hỏi khi chúng không hiểu trong bất kì vấn đề nào chúng quan tâm.
- 12) Người lớn luôn ủng hộ và tôn trọng các cảm xúc của trẻ. Chủ động gọi ra các cuộc trò chuyện có ý nghĩa theo tâm trạng của trẻ. Người lớn cần thể hiện thật cởi mở và thân thiện để trẻ cảm thấy thoải mái khi muốn hỏi hoặc muốn nhờ sự giúp đỡ của người lớn.
- 13) Bản thân giáo viên phải là tấm gương về cách ứng xử và tôn trọng tất cả những quy định của lớp đã đặt ra. Giáo viên làm cho lớp học có không

khí vui vẻ, thoải mái bằng cách tạo ra một không khí đoàn kết, tránh so sánh trẻ với những trẻ khác, cư xử thật công bằng và cho trẻ cơ hội sửa sai để chúng có thể rút ra bài học cho mình.

Chuẩn 11. Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Hằng ngày chú ý giao những nhiệm vụ chung để trẻ làm cùng với các bạn khác.
- 2) Sử dụng rối hoặc đọc truyện có những tình tiết trẻ phải hợp tác với mọi người và có những cách giải quyết thành công các xung đột.
- 3) Thảo luận và minh họa cho trẻ thấy rất nhiều việc chỉ có thể thành công nếu mọi người cùng nhau làm.
- 4) Tạo cho trẻ những cơ hội được giúp đỡ người khác.
- 5) Cung cấp các cơ hội để trẻ cùng làm một việc gì đó với người khác.
- 6) Chỉ dẫn cho trẻ cách giải quyết các mâu thuẫn.
- 7) Cho trẻ có đủ thời gian để tự giải quyết vấn đề của mình trước khi cô giáo can thiệp vào.
- 8) Giúp những trẻ gặp khó khăn trong việc thoả thuận (trẻ chậm phát triển ngôn ngữ, trẻ nóng tính...).
- 9) Thông qua cách ứng xử của mình, cô giáo làm mẫu về cách phản ứng phù hợp trong việc giải quyết các mâu thuẫn.
- 10) Ủng hộ tất cả những nỗ lực của trẻ trong việc tự giải quyết vấn đề.
- 11) Cung cấp cho trẻ nhiều hoạt động chơi đóng vai để phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm và nhận thức về vai trò xã hội.
- 12) Khuyến khích sự tham gia của trẻ vào các trò chơi tập thể, vào việc xây dựng hoặc sửa đổi các quy định của lớp, vào việc xây dựng ý tưởng làm một việc nào đó...

Chuẩn 12. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Thảo luận cùng trẻ về hậu quả của các hành vi tích cực và tiêu cực.

- 2) Cung cấp cho trẻ những cơ hội để nghĩ về hậu quả của hành vi trước khi thực hiện, ví dụ: Lan Anh sẽ cảm thấy thế nào nếu con cho bạn ấy mượn con búp bê?
- 3) Khuyến khích trẻ thảo luận về những điều trẻ thích và không thích khi người khác đối xử với mình.
- 4) Cung cấp nhiều cơ hội để trẻ thể hiện sự quan tâm chăm sóc và quý trọng những tài sản chung, những con vật và cây cối ở những nơi công cộng.
- 5) Thảo luận và thực hành về trách nhiệm trong việc giữ gìn môi trường sống: sạch sẽ, giữ gìn và tiết kiệm.
- 6) Thảo luận về ý nghĩa của những lời nói: chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và cách xưng hô với người lớn tuổi hơn mình.
- 7) Tập dụng các cơ hội trong sinh hoạt hàng ngày để hình thành văn hoá chào hỏi, giao tiếp với người khác.

Chuẩn 13. Thể hiện sự tôn trọng người khác.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Giải thích cho trẻ những đặc điểm về thể chất, về hứng thú như là những đặc tính riêng không ai giống ai của mỗi người.
- 2) Không buộc tất cả trẻ phải có chung một câu trả lời, một suy nghĩ giống nhau. Giáo viên tôn trọng sự khác nhau của trẻ trong sở thích, nhu cầu, suy nghĩ, cách thể hiện và khuyến khích trẻ có những cách riêng của mình.
- 3) Cho trẻ cơ hội được thể hiện cái riêng của mình và nhận được sự thừa nhận của những người xung quanh.
- 4) Cho trẻ cơ hội để khám phá những cái chung và những cái riêng của những trẻ khác.
- 5) Cho trẻ cơ hội thực hành cách thể hiện sự tôn trọng và đánh giá tốt về người khác.
- 6) Cùng trẻ xây dựng các quy tắc hành vi trong lớp làm cơ sở để phân xử các tranh cãi giữa các trẻ.
- 7) Cho trẻ nhiều cơ hội để thực hành cách ứng xử với nhiều tầng lớp người khác nhau trong xã hội (người già – người trẻ, người quen – người lạ,

người thân – người không thân, bạn cùng tuổi – các em nhỏ hơn) để hình thành những kĩ năng giao tiếp phù hợp với các chuẩn mực văn hoá của xã hội.

- 8) Giáo viên làm mẫu bằng cách lắng nghe và tôn trọng trẻ trong sinh hoạt hằng ngày. Cô giáo thể hiện sự công bằng đối với trẻ trong việc xử lí các mâu thuẫn cũng như trong tổ chức sinh hoạt, chơi, học của trẻ.

Chuẩn 14. Trẻ nghe hiểu lời nói.

Chuẩn 15. Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp.

Chuẩn 16. Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Tạo cơ hội cho trẻ nghe các âm thanh khác nhau từ môi trường xung quanh.
 - 2) Tạo cho trẻ có nhiều cơ hội tiếp xúc với các tác phẩm văn học thiếu nhi phù hợp với khả năng của trẻ (nghe, kể).
 - 3) Tạo cơ hội để trẻ thể hiện nhu cầu, tình cảm và những ý tưởng bằng lời bằng cử chỉ, điệu bộ:
 - Yêu cầu sự giúp đỡ của người lớn và bạn bè.
 - Miêu tả những tình cảm như vui, buồn, giận dữ.
 - Tham gia các hoạt động đóng vai, đóng kịch.
- Tập cho trẻ thể hiện sự lắng nghe:
- Thể hiện sự chú ý (nhìn bằng mắt, biểu hiện nét mặt).
 - Đáp lại một cách phù hợp với người nghe (quay lại, không làm gián đoạn, thể hiện qua các cử chỉ như gật đầu).
- 4) Tạo môi trường giao lưu ngôn ngữ tự do, thoải mái.
 - 5) Luôn chú ý lắng nghe trẻ nói; giúp đỡ, khích lệ, động viên, thu hút trẻ trò chuyện với người lớn, với các bạn, tham gia vào trao đổi nhóm.
 - 6) Tạo nhiều cơ hội để trẻ có thể nói lại những trải nghiệm của bản thân.
 - 7) Tạo cho trẻ có nhiều cơ hội tiếp xúc với các tác phẩm văn học thiếu nhi phù hợp với khả năng của trẻ (nghe, kể).
 - 8) Tổ chức cho trẻ hoạt động kết hợp với lời nói trong các trò chơi, bài hát, đóng kịch.

9) Tôn trọng, khuyến khích sự sáng tạo của trẻ khi sử dụng câu, từ.

10) Tập cho trẻ sử dụng ngôn ngữ để mô tả, đặt giả thuyết, gợi nhớ:

- Nêu câu hỏi.
- Dự đoán điều gì sẽ xảy ra nếu...
- Có thể nhớ và nói lại những trải nghiệm theo trình tự.

11) Tập cho trẻ sử dụng các kĩ năng giao tiếp trong trò chơi đóng vai:

- Tham gia các trò chơi đóng vai, biết hội thoại phù hợp khi chơi.
- Đóng các vai khác nhau trong các tình huống chơi.
- Đóng vai các nhân vật khác nhau trong các truyện quen thuộc.

Chuẩn 17. Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc.

Chuẩn 18. Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc.

Chuẩn 19. Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc viết.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Tạo điều kiện và cơ hội để trẻ hiểu được ý nghĩa và vai trò của đọc và viết trước khi dạy trẻ phân biệt chữ cái, âm tiết và từ. Những kĩ năng cơ bản của việc đọc và viết chỉ có thể phát triển được khi chúng có ý nghĩa đối với trẻ.
- 2) Tạo “Môi trường chữ viết phong phú” tại trường/lớp mầm non và gia đình: Chữ viết cần có mặt ở mọi nơi dưới các hình thức khác nhau như sách truyện, tạp chí, báo, nhãn mác hàng hoá, danh mục, kí hiệu, khẩu hiệu...
- 3) Nên tìm những cuốn sách hấp dẫn, phù hợp với sở thích của trẻ. Đối với trẻ 5 tuổi, nên chọn những cuốn sách có những đặc điểm sau:
 - Sách có những tình tiết có thể đoán trước được.
 - Sách có tranh minh hoạ có thể dự đoán trước, bao gồm các chi tiết được lặp đi lặp lại nhiều lần, tạo cho trẻ cảm giác tranh là một phần của câu chuyện.
 - Sách có nội dung thú vị.
 - Được bố cục bằng nhiều tranh ngắn gọn.
 - Lời trong sách có các từ có vần điệu, từ lặp đi lặp lại.
 - Có các nhân vật ở cùng độ tuổi với trẻ, có các chi tiết mang tính hành động.
 - Sách có màu sắc tươi sáng, những chi tiết gợi cảm thú vị.

- 4) Việc đọc viết ban đầu của trẻ xuất hiện và phát triển trong sự phát triển của ngôn ngữ nói, qua giao tiếp và trò chuyện. Việc cho trẻ làm quen với đọc viết cần rõ ràng và trực tiếp, lồng ghép với các hoạt động quen thuộc của trẻ, bằng nhiều hình thức thông qua rất nhiều các loại hình hoạt động có ý nghĩa đối với trẻ như:
- Nghe trẻ đọc truyện và thơ của trẻ, đọc truyện và thơ của trẻ.
 - Tham quan, dạo chơi.
 - Đọc truyện cho trẻ nghe.
 - Quan sát những kí hiệu và chữ viết, bảng biểu được sử dụng trong phòng nhóm.
 - Tham gia vào các trò chơi, đóng kịch và các hoạt động giao tiếp khác như trao đổi, hoạt động nhóm nhỏ, trò chuyện với bạn bè và người lớn.
 - Vẽ, sao chép lại và tự viết các nét chữ ban đầu.
- 5) Các hoạt động liên quan đến chữ viết bao gồm các trò chơi với các chủ đề liên quan đến chữ viết, nhấn mác trong các trò chơi, các công việc ghi chép cá nhân, đưa chữ viết vào các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày của trẻ. Mục đích của các hoạt động nhằm giúp trẻ biết:
- Chữ viết thể hiện những thông điệp. Những thông điệp này là ý nghĩ, lời nói, hoặc sự giao tiếp được thể hiện ở dạng chữ viết.
 - Chữ viết có nhiều ứng dụng khác nhau.
 - Con người có thể đọc và hiểu các từ được viết ra.
 - Mỗi chữ viết ra được gọi là một chữ cái hoặc kí tự.
 - Bảng chữ cái là danh mục các chữ cái được sử dụng trong tiếng Việt. Có 29 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.
 - Mỗi chữ cái có một tên riêng.
 - Mỗi chữ cái có một hình dạng khác nhau.
 - Mỗi chữ cái có một cách đọc khác nhau.
 - Tất cả các từ được viết ra có một hoặc tập hợp nhiều chữ cái.
 - Các từ được viết và đọc theo thứ tự từ trái sang phải theo dòng kẻ ngang.
 - Các từ trong câu cách nhau một khoảng trống.

6) Khả năng đọc của trẻ phụ thuộc vào khả năng nói, cho nên để cho trẻ làm quen với đọc, hãy bắt đầu từ những hoạt động phát triển khả năng nghe và nói của trẻ, như:

- Dạy trẻ các bài thơ, bài hát có vần điệu.
- Trò chuyện với trẻ.
- Tổ chức các hoạt động hướng tới sự phát triển khả năng sử dụng hình ảnh, tranh vẽ, và sử dụng hình dạng, kí hiệu.

7) Cho trẻ xem cách người lớn đọc và coi đó là cách làm mẫu để trẻ bắt chước các hành vi của người đọc. Khi đọc người lớn cần:

- Tìm cách thu hút trẻ trong khi đọc.
- Vừa đọc vừa chỉ vào tranh minh hoạ nhằm phát triển ngôn ngữ qua thị giác, ý nghĩa của tranh vẽ.
- Cảm nhận những chi tiết hài hước.
- Đọc trôi chảy, diễn cảm, biểu hiện rõ niềm vui thích được đọc để thu hút và kích thích trí tưởng tượng của trẻ, dẫn đến hứng thú với việc đọc của trẻ.
- Đánh dấu dòng, chỉ rõ các nhân vật, hoặc sử dụng các giọng điệu khác nhau cho các nhân vật và tình tiết truyện để khuyến khích trẻ chú động đọc.

Chuẩn 20. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên.

Chuẩn 21. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

1) Khuyến khích trẻ trải nghiệm và khám phá bằng hoạt động của trẻ, trong tình huống thực và trong hoạt động giáo dục đa dạng:

- Kích thích trẻ tích cực hoạt động nhận thức bằng các giác quan, hành động tư duy trực quan – hình tượng, trực quan – sơ đồ, ngôn ngữ, giao tiếp để quan sát, phân tích, so sánh, khái quát hoá.
- Cho trẻ tham gia vào các tình huống thực, đơn giản, an toàn của cuộc sống gần gũi hàng ngày để trẻ tự cảm nhận về tự nhiên, xã hội theo cách riêng của mình.
- Tạo nhiều cơ hội cho trẻ tham gia trong các hoạt động giáo dục đa dạng như: khám phá môi trường xung quanh, các biểu tượng toán sơ đẳng, tạo hình, âm nhạc, vận động, lễ hội, tham quan, lao động.

- Khuyến khích trẻ cùng tham gia chuẩn bị, sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
- Mở rộng không gian hoạt động giáo dục: lớp học, nhà bạn, góc thiên nhiên, vườn cây, công viên, đường phố, ngõ xóm, thôn bản, đồng ruộng, trang trại, nông trang, rừng cây, danh lam thắng cảnh, địa điểm công cộng (trường học, trạm xá, chợ, bưu điện, viện bảo tàng, triển lãm, làng nghề...).
- Phân hoá trẻ theo trình độ phát triển nhận thức để tổ chức hoạt động phù hợp.

2) Tạo cơ hội cho trẻ chơi:

- Sử dụng các loại trò chơi để phát triển nhận thức: trò chơi học tập, trò chơi vận động, trò chơi đóng vai, trò chơi đóng kịch, trò chơi xây dựng, trò chơi dân gian.
- Sử dụng các phần mềm trò chơi có nội dung phát triển nhận thức thích hợp với trẻ 5 tuổi.

Chuẩn 22. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Tạo cơ hội để trẻ được sử dụng các nguyên liệu tạo hình đa dạng, phong phú (Ví dụ: màu nước, bút màu chì, màu sáp, phấn màu, giấy, kéo, hồ dán...).
- 2) Lôi cuốn trẻ vào các hoạt động âm nhạc khác nhau (Ví dụ: nghe nhạc, hát, nhảy, múa, vận động theo nhạc, sử dụng các loại nhạc cụ khác nhau kể cả nhạc cụ của các dân tộc).
- 3) Khuyến khích trẻ hát múa, vận động, vẽ... theo cách mà mình cảm nhận. Đánh giá cao sự sáng tạo và ý tưởng của trẻ mà không yêu cầu trẻ sao chép (copy) của người khác.
- 4) Trẻ cần cảm thấy thoải mái, an toàn khi mạo hiểm, khi mắc lỗi và sáng tạo. Trẻ tự tin và không cảm thấy sợ khi thể hiện khác với các bạn trong lớp.
- 5) Tổ chức môi trường tạo sự tò mò và tự do khám phá, dễ dàng tiếp cận với các nguồn nguyên liệu phong phú và phương tiện khác nhau cho trẻ thử nghiệm và tự do bộc lộ bản thân.
- 6) Nếu có điều kiện, cho trẻ đi tham quan các triển lãm hoặc bảo tàng nghệ thuật, xem các buổi biểu diễn văn nghệ.
- 7) Tạo điều kiện cho trẻ được quan sát người lớn làm ra các sản phẩm nghệ thuật (vẽ, in tranh, làm đồ thủ công mỹ nghệ).

8) Dành đủ thời gian để trẻ khám phá và thử nghiệm với ý tưởng, phương tiện và hoạt động nghệ thuật.

Chuẩn 23. Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Tạo cơ hội cho trẻ đếm các đồ vật trong các hoạt động hàng ngày (đếm số bạn chơi trong góc, số bạn đọc sách, đếm số người ăn và số bát thìa tương ứng...).
- 2) Cung cấp cho trẻ các vật liệu khác nhau để đếm như sỏi, hạt, cúc áo...
- 3) Tạo cơ hội cho trẻ ước lượng, so sánh hai nhóm đồ vật và kiểm tra kết quả bằng cách đếm.
- 4) Sử dụng các câu hỏi liên quan đến số lượng (Ví dụ: Còn bao nhiêu ngày nữa thì đến sinh nhật con?).
- 5) Tạo cơ hội cho trẻ sử dụng các chữ số và đếm (đọc số điện thoại của người thân, bấm số để gọi điện thoại, đọc giá tiền trên hàng hoá, chơi trò chơi bán hàng...).
- 6) Chơi các trò chơi dạng đố mi nô liên quan đến đếm và chữ số.
- 7) Tạo cơ hội cho trẻ chơi các trò chơi liên quan đến nhu cầu phải sử dụng các cách đo khác nhau (Ví dụ: Từ cửa sổ đến cửa ra vào bằng bao nhiêu bước chân? Chơi trò chơi nấu ăn theo thực đơn: Bao nhiêu ca nước thì đầy bình?...).

Chuẩn 24. Trẻ nhận biết về một số hình hình học và định hướng trong không gian.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục

- 1) Nhận thức của trẻ MG về hình học thể hiện ở hai mức độ:
 - Nhận biết toàn bộ hình dạng mà không quan tâm đến các mối quan hệ khác (cạnh, góc).
 - Chú ý đến các đặc điểm thông qua quan sát và khám phá – thử nghiệm với hình dạng.

Quá trình nhận thức này liên quan đến phát triển các *kĩ năng phân biệt và khái quát*.

Các hoạt động giúp trẻ nhận thức về hình dạng diễn ra theo trình tự:

- Nhận ra hình đồng dạng (Ví dụ: Đặt hình vuông lên trên hình tròn vẽ trên tờ giấy; Chọn riêng những hình vuông vào 1 rổ, hình tròn vào 1 rổ).
- Gọi tên hình (Đây là hình gì?).
- Vẽ hoặc tạo ra hình.

Nhận biết về hình dạng thông qua: *quan sát (nhìn), xúc giác (sờ) và cảm giác vận động*. Do vậy các hoạt động nhận biết về hình dạng có thể là:

- + Nhận biết, phân biệt hình dạng thông qua giác quan (nhìn, sờ, vận động).
- + Tìm kiếm những hình dạng (giống hoặc gần giống) trong môi trường xung quanh.
- + Tạo hình bằng các cách khác nhau, biến đổi hình.
- + Sử dụng các hình dạng để sáng tạo (vẽ, nặn, xé dán, làm thủ công...).

Ngoài những hình hình học, cũng có thể cho trẻ làm quen với các loại hình khác thường thấy trong thực tế (như hình sao, hình thoi, hình ô van, hình mặt trăng non, dấu chân, hình nón...). Trong các hoạt động, giáo viên tạo cơ hội cho trẻ gọi tên các hình.

- 2) Nhận thức về không gian của trẻ liên quan đến khả năng xác định vị trí của một vật và định hướng trong không gian (vị trí và phương hướng). Quá trình nhận thức về không gian liên quan đến phát triển *khả năng quan sát và mô tả*. Vì thế, trẻ cần hiểu và biết cách sử dụng các từ về vị trí và định hướng trong không gian. Trong các hoạt động hàng ngày, GV sử dụng các từ này để giúp trẻ hiểu và biết cách sử dụng (Ví dụ: khi vận động, khi cất đồ chơi, khi chơi đồ chơi ngoài trời, chơi xây dựng, khi vẽ...).

Nhận thức về không gian chỉ có thể diễn ra trong các hoạt động có ý nghĩa và liên quan đến kinh nghiệm của trẻ.

Chuẩn 25. Trẻ có một số nhận biết ban đầu về thời gian.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Có hai khía cạnh liên quan đến khái niệm về thời gian: trình tự, thời điểm và thời lượng. Đối với khía cạnh trình tự, đó là sắp xếp theo trình tự xảy ra của các hiện tượng/sự kiện. Đối với khía cạnh thời điểm có nghĩa là hiện tượng/sự kiện diễn ra khi nào. Đối với khía cạnh thời lượng, có nghĩa là làm việc đó trong bao lâu (Ví dụ: giây, phút, giờ, ngày, thời gian ngắn, thời gian dài...). Ba khía cạnh này được thể hiện ở các nội dung:

- Trình tự sự việc hoặc các hoạt động liên quan đến trẻ ở nhà và ở trường (Ví dụ: dậy- đánh răng- rửa mặt- thay quần áo- ăn sáng- đi học...).
 - Các sự việc hoặc các hoạt động diễn ra khi nào (đi học lúc 7 giờ sáng...).
 - Quá khứ (đã qua), hiện tại (đang diễn ra) và tương lai (sẽ xảy ra) liên quan đến các sự kiện của bản thân trẻ hoặc của người thân.
 - Thời lượng: thời gian theo đồng hồ (giây, phút, giờ), theo lịch (ngày, tháng, tên các ngày trong tuần).
 - Thời điểm (mấy giờ đi học, ăn cơm, đi ngủ...); lịch sinh hoạt ở lớp và ở nhà cần có những mốc thời gian nhất định để trẻ có những cảm nhận về thời gian (Ví dụ: đi học lúc 7 giờ, ăn trưa vào lúc 11 giờ...).
- 2) Các từ chỉ thời gian là nội dung quan trọng khi trẻ làm quen với khái niệm về thời gian. Hằng ngày trong các hoạt động và trong các sự kiện cụ thể, GV sử dụng các từ về thời gian để trẻ làm quen nhằm giúp trẻ có biểu tượng về những khái niệm liên quan và tạo cơ hội cho trẻ sử dụng các từ đó (thời gian, sáng, trưa, chiều, tối, đêm, ngày, ngày hôm qua, ngày hôm nay, ngày mai, sớm, muộn, giờ, phút...). Ví dụ: Hôm qua chú nhật con làm gì?; Hôm nay con đến sớm nhất/ đầu tiên; 10 phút nữa đến giờ ăn trưa, các con thu dọn đồ chơi và rửa tay chuẩn bị ăn cơm.
- 3) Trẻ mầm non gặp khó khăn trong nhận thức về thời gian. Trẻ 5 tuổi chỉ có khả năng nhận thức về thời gian trong các tình huống có ý nghĩa với trẻ. Thông qua trải nghiệm trong các sinh hoạt ở lớp, ở nhà và hướng dẫn của GV, của những người xung quanh, trẻ biết sử dụng các từ biểu thị thời gian (như: buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, ban đêm, hôm qua, hôm nay, ngày mai, tuần, tháng...).

Chuẩn 26. Trẻ tò mò và ham hiểu biết.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Đặt câu hỏi và tập cho trẻ đặt câu hỏi về đồ vật, sinh vật, về các sự kiện xảy ra xung quanh. Khuyến khích trẻ tự tìm cách trả lời cho câu hỏi của chính mình bằng cách thu thập thông tin qua quan sát, tìm hiểu, hỏi từ những nguồn đáng tin cậy (cha mẹ, anh chị, cô giáo, sách, tổng đài hỏi đáp...). Khi có cơ hội, có thể so sánh kết quả tìm kiếm của trẻ với những kiến thức khoa học đã biết (Ví dụ: khi đọc sách khoa học cho trẻ).

- 2) Lập kế hoạch và hướng dẫn những “tìm hiểu” đơn giản. Những tìm hiểu này nên dựa trên phương pháp quan sát dài hạn. Kết quả là trẻ có thể mô tả hiện tượng, sự kiện; sau đó có thể phân loại theo quy tắc nào đó; và chia sẻ những điều mình biết với bạn bè.
- 3) Trang bị những dụng cụ và đồ dùng đơn giản giúp trẻ thu thập thông tin và mở rộng khả năng của các giác quan.
- 4) Tổ chức các hoạt động thử nghiệm đơn giản, trong đó chú trọng cho trẻ cơ hội huy động vốn kinh nghiệm và hiểu biết của mình để dự đoán những điều có thể xảy ra (Nếu chúng ta làm thế này thì...), làm thử để kiểm chứng và giải thích những điều quan sát được. Dự đoán của trẻ có thể phần lớn là sai nhưng phải chấp nhận cho trẻ thử và có cơ hội tự kiểm chứng. Qua đó, trẻ tập đặt ra cho bản thân câu hỏi “Tại sao?”, và hình thành động cơ khám phá sự vật hiện tượng xung quanh.
- 5) Thái độ của giáo viên khi tổ chức những hoạt động thử nghiệm, khám phá là khuyến khích giao tiếp, khuyến khích đưa ra ý tưởng, chia sẻ thông tin, đặt câu hỏi mở, gợi ý tìm tòi, không trả lời ngay những câu hỏi của trẻ (hỏi ngược lại, đặt trẻ vào những tình huống phải tự tìm câu trả lời hoặc cách giải quyết độc lập), kiên nhẫn lắng nghe trẻ giải thích theo lập luận của trẻ, chỉ ra những điểm hợp lí, hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động tiếp theo của trẻ.

Chuẩn 27. Trẻ thể hiện khả năng suy luận.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Hoạt động khám phá, thử nghiệm nhằm phát triển óc quan sát, phát hiện những quy luật, sự thay đổi mang tính chất nguyên nhân – kết quả.
- 2) Lựa chọn các hoạt động có thể phát triển những khả năng: tìm được nguyên nhân chính trong hàng loạt nguyên nhân có thể của một sự việc nào đó, kể/mô tả bằng lời những mối quan hệ nhân – quả (Vì A cho nên B/B xảy ra là vì A), nhận ra những quy luật đơn giản xung quanh.

Chuẩn 28. Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo.

Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục:

- 1) Trước tiên, cần quan niệm rằng sáng tạo không chỉ thể hiện ở sản phẩm mà thể hiện ở quá trình.
- 2) Cung cấp cơ hội lựa chọn.

- 3) Tạo môi trường vật chất được thiết kế tác động đến cảm giác sẽ có tác dụng thúc đẩy cách giải quyết vấn đề một cách sáng tạo. Ví dụ: Khi đưa ra một vật hình bán nguyệt và hỏi “Chúng ta có thể dùng cái này vào việc gì?”, trẻ sẽ huy động tất cả những hình ảnh đầu tiên chúng có và bắt đầu phát triển những ý tưởng từ những thứ chúng nhìn thấy xung quanh. Xem xét xung quanh phòng học hay nơi chơi, tìm kiếm gợi ý là một biện pháp giải quyết vấn đề một cách sáng tạo. Một môi trường cung cấp cả sự mới mẻ, độc đáo, cả sự phong phú thì sẽ là một phương tiện sáng tạo tuyệt vời.
- 4) Trò chơi đóng vai chơi trước khi bước vào những hoạt động giải quyết vấn đề sẽ giúp trẻ có những ý tưởng sáng tạo hơn.
- 5) Cơ hội suy nghĩ và hành động theo ý riêng khi được chơi tự do, không có sự hướng dẫn của người lớn, tất nhiên là trong giới hạn nội quy cho phép.
- 6) Cho trẻ cơ hội gặp gỡ và trải nghiệm những nhóm lớp, cách sinh hoạt khác nhau để trẻ học cách tôn trọng sự lựa chọn của người khác.
- 7) Khuyến khích trẻ giải quyết vấn đề trong nhóm bằng cách tự do thoải mái đưa ra mọi ý tưởng, không ngại bị chỉ trích, phê phán.
- 8) Không bao giờ so sánh sản phẩm hay ý tưởng của trẻ này với sản phẩm hay ý tưởng của trẻ khác. Cũng không nên chọn một cái để làm mẫu hay là cái “hay nhất”.
- 9) Tránh những việc chỉ có thể thực hiện theo một cách duy nhất (tô màu theo số: số 1 màu xanh, số 2 màu đỏ...), hay lắp ráp theo đúng mẫu.
- 10) Hoạt động tạo hình, hoạt động có tính sáng tạo phải được lập kế hoạch và chuẩn bị kĩ càng, không được coi như những hoạt động lấp chỗ trống như vào giờ giải lao hay là phần thưởng vì có hành vi tốt.
- 11) Cung cấp nhiều và nhiều dạng vật liệu cho trẻ.
- 12) Gợi ý những phương án thực hiện hoặc tiến hành nhưng phải tôn trọng quyết định cuối cùng của trẻ. Trẻ có thể nói về việc mình định làm nhưng không nên yêu cầu trẻ đặt tên hay mô tả về cảm xúc của mình.
- 13) Khen ngợi sự cố gắng, cách dùng màu, vật liệu một cách độc đáo, ý tưởng độc đáo nhiều hơn khen kết quả cuối cùng – quá trình quan trọng hơn kết quả (đường đi quan trọng hơn đích đến).
- 14) Trưng bày những tác phẩm kinh điển hay những sản phẩm của trẻ ngang tầm mắt trẻ.

- 15) Khuyến khích cách thể hiện riêng, không giống người khác. Luôn hỏi những câu hỏi mở, tạo cơ hội tương tượng. Tuyệt đối tránh những nhận xét tiêu cực về ý tưởng của trẻ dù những ý tưởng đó vô lí, kì cục.
- 16) Tập dụng các loại bài tập, các tình huống yêu cầu trẻ đưa ra những phương pháp thay thế/những cách giải quyết khác nhau. Việc nhận ra nhiều cách thực hiện một nhiệm vụ nào đó giúp trẻ có thể lựa chọn phương cách tốt nhất. Dạng đơn giản nhất của các bài tập loại này là nhận ra cách dùng các động từ trong các trường hợp cụ thể khác nhau có thể có ý nghĩa khác nhau. Ví dụ:
- + Chơi trò chơi đóng vai, thử vào vai những sinh vật/đồ vật khác (ví dụ: Hãy tương tượng mình là quyển sách).
 - + Nhìn vào những tình huống quen thuộc (sách bị vứt lung tung, bị quần mép, bị xé rách, bị rơi xuống gầm bàn/tủ...) từ góc nhìn khác (góc nhìn của quyển sách), trẻ có thể nhận ra được cách hành động khác, có thể nhìn nhận hành vi của mình khác đi (nhận ra đúng sai trong cách ứng xử với sách của chính mình và các bạn).
- 17) Tổ chức những hoạt động về những đề tài cho phép trẻ thể hiện kinh nghiệm của bản thân theo cách riêng, ví dụ: Hãy vẽ lại/kể lại một ngày hè của bạn.

Một số dấu hiệu nhận biết/minh chứng về việc đạt được các chỉ số trong Bộ Chuẩn PTTEST:

TT chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
Chuẩn 1. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn		
1	Bật xa tối thiểu 50cm.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật nhảy bằng cả 2 chân. - Chạm đất nhẹ nhàng bằng 2 đầu bàn chân và giữ được thăng bằng khi tiếp đất. - Nhảy qua tối thiểu 50cm.
2	Nhảy xuống từ độ cao 40cm.	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy đà và bật nhảy xuống. - Chạm đất nhẹ nhàng bằng 2 đầu bàn chân. - Giữ được thăng bằng khi chạm đất.

TT chi số	Nội dung chi số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
3	Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa tối thiểu 4m.	<ul style="list-style-type: none"> - Di chuyển theo hướng bóng bay để bắt bóng. - Bắt được bóng bằng 2 tay. - Không ôm bóng vào ngực.
4	Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.	<ul style="list-style-type: none"> - Trèo lên, xuống liên tục phối hợp chân nọ tay kia (hai chân không bước vào một bậc thang). - Trèo lên thang ít nhất được 1,5m.
Chuẩn 2. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ		
5	Tự mặc, cởi được áo, quần.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự mặc áo, quần đúng cách. - Cài và mở được hết các cúc. - So cho hai vạt áo, hai ống quần không bị lệch.
6	Tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ.	<ul style="list-style-type: none"> - Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. - Tô màu đều. - Không chòem ra ngoài nét vẽ.
7	Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Cắt rời được hình, không bị rách. - Đường cắt lượn sát theo nét vẽ.
8	Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Bôi hồ đều. - Các hình được dán vào đúng vị trí quy định. - Sản phẩm không bị rách.
Chuẩn 3. Trẻ có thể phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động		
9	Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục về phía trước. - Thực hiện đổi chân luân phiên khi có yêu cầu. - Không dừng lại hoặc không bị ngã khi đổi chân.
10	Đạp và bắt được bóng bằng 2 tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Vừa đi vừa đạp và bắt được bóng bằng hai tay. - Không ôm bóng vào người.

TT chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
11	Đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2m × 0,25m × 0,35m).	<ul style="list-style-type: none"> - Khi bước lên ghế không mất thăng bằng. - Khi đi mắt nhìn thẳng. - Giữ được thăng bằng hết chiều dài của ghế.
Chuẩn 4. Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể		
12	Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 – 7 giây.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 18 mét liên tục trong vòng 5 giây – 7 giây. - Phối hợp chân tay nhịp nhàng. - Không có biểu hiện quá mệt mỏi sau khi hoàn thành đường chạy.
13	Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy với tốc độ chậm, đều, phối hợp tay chân nhịp nhàng. - Đến đích vẫn tiếp tục đi bộ được 2 – 3 phút. - Không có biểu hiện quá mệt mỏi: thở dồn, thở gấp, thở hổn hển kéo dài.
14	Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung chú ý. - Tham gia hoạt động tích cực. - Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ gật...
Chuẩn 5. Trẻ có hiểu biết và thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng		
15	Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. - Khi rửa, không vẩy nước ra ngoài, không làm ướt quần áo. - Rửa sạch tay không còn mùi xà phòng.

TT chi số	Nội dung chi số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
16	Tự rửa mặt và chải răng hàng ngày.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự chải răng, rửa mặt. - Không vẩy nước ra ngoài, không làm ướt quần áo. - Rửa mặt, chải răng bằng nước sạch.
17	Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.	Lấy tay che miệng khi ho hoặc hắt hơi, ngáp.
18	Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chải hoặc vuốt lại tóc khi bù rối. - Chỉnh lại quần áo khi bị xô lệch, hoặc phủi bụi đất khi bị dính bẩn.
19	Kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. - Phân biệt các thức ăn theo nhóm (nhóm bột đường, nhóm chất đạm, nhóm chất béo...).
20	Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được một số đồ ăn, đồ uống không tốt cho sức khỏe. Ví dụ: các đồ ăn ôi thiu, rau quả khi chưa rửa sạch, nước lã, rượu - bia... - Nhận ra được dấu hiệu của một số đồ ăn bị nhiễm bẩn, ôi thiu. - Không ăn, uống những thức ăn đó.
Chuẩn 6. Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân		
21	Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên một số đồ vật gây nguy hiểm. - Không sử dụng những đồ vật dễ gây nguy hiểm để chơi khi không được người lớn cho phép. - Nhắc nhở hoặc báo người lớn khi thấy bạn sử dụng những đồ vật gây nguy hiểm.

TT chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
22	Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận ra một số việc làm gây nguy hiểm. – Kể được tác hại của một số việc làm gây nguy hiểm đối với bản thân và những người xung quanh. – Nhắc nhở hoặc báo người lớn khi thấy người khác làm một số việc có thể gây nguy hiểm.
23	Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.	<ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được nơi bẩn, nơi sạch. – Phân biệt được nơi nguy hiểm (gần hồ/ao/sông/suối/vực/ổ điện...) và không nguy hiểm. – Chơi ở nơi sạch và an toàn.
24	Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.	<ul style="list-style-type: none"> – Đưa mắt nhìn người thân hoặc hỏi ý kiến khi nhận quà từ người lạ. – Không theo khi người lạ rủ. – Kêu người lớn khi bị ép đi hoặc mách người lớn khi có sự việc đó xảy ra với bạn.
25	Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	Kêu cứu/gọi người xung quanh giúp đỡ khi mình hoặc người khác bị đánh, bị ngã, chảy máu hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm khi cháy, nổ...
26	Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	<ul style="list-style-type: none"> – Kể được một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi phải khói thuốc lá. – Thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá bằng lời nói hoặc hành động, ví dụ như: Bố/mẹ đừng hút thuốc lá/Con không thích ngửi thấy mùi thuốc lá, hoặc tránh chỗ có người đang hút thuốc...
Chuẩn 7. Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân		
27	Nói được một số thông tin quan trọng về bản	– Nói được một số thông tin cá nhân như họ, tên, tuổi, tên lớp/trường mà trẻ học...

TT chi số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
	thân và gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được một số thông tin gia đình như: họ tên của bố, mẹ, anh, chị, em. - Nói được địa chỉ nơi ở như: số nhà, tên phố/làng xóm, số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố mẹ (nếu có)...
28	Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được một số hành vi ứng xử cần có, sở thích có thể khác nhau giữa bạn trai và bạn gái, ví dụ: bạn gái cần nhẹ nhàng trong khi nói, đi đứng, bạn trai cần phải giúp đỡ các bạn gái bê bàn, xách các đồ nặng...; bạn trai thích chơi đá bóng, bạn gái thích chơi búp bê... - Thường thể hiện các hành vi ứng xử phù hợp: lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính, bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy, không thay quần áo nơi đông người; bạn trai mạnh mẽ, sẵn sàng giúp đỡ bạn gái khi bung, bê đồ vật nặng...
29	Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được khả năng của bản thân, ví dụ: Con có thể bê được cái ghế kia, nhưng con không thể bê được cái bàn này vì nó nặng lắm/vì con còn bé quá... - Nói được sở thích của bản thân, ví dụ: Con thích chơi bán hàng/thích đá bóng, thích nghe kể chuyện...
30	Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu ý kiến cá nhân trong việc lựa chọn các trò chơi, đồ chơi và các hoạt động khác theo sở thích của bản thân, ví dụ: Chúng mình chơi trò chơi xếp hình trước nhé, Tôi sẽ trò chơi bán hàng, Chúng ta cùng vẽ một bức tranh nhé... - Cố gắng thuyết phục bạn để những đề xuất của mình được thực hiện.

TT chi số	Nội dung chi số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
Chuẩn 8. Trẻ tin tưởng vào khả năng của mình		
31	Cố gắng thực hiện công việc đến cùng.	<ul style="list-style-type: none"> - Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối. - Nhanh chóng triển khai công việc, tự tin khi thực hiện, không chán nản hoặc chờ đợi vào sự giúp đỡ của người khác. - Hoàn thành công việc được giao.
32	Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía hoặc nâng niu, vuốt ve. - Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác. - Cất sản phẩm cẩn thận.
33	Chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người lớn, ví dụ như: tự cất dọn đồ chơi sau khi chơi; tự giác đi rửa tay trước khi ăn, hoặc khi thấy tay bẩn, tự chuẩn bị đồ dùng/đồ chơi cần thiết cho hoạt động. - Biết nhắc các bạn cùng tham gia.
34	Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn xin phát biểu ý kiến. - Nói, hỏi hoặc trả lời các câu hỏi của người khác một cách lưu loát, rõ ràng, không sợ sệt, rụt rè, e ngại.
Chuẩn 9. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc		
35	Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác.	Nhận ra và nói được trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh, ảnh.

TT chi số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
36	Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt.	Thể hiện những trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ phù hợp với tình huống qua lời nói/cử chỉ/nét mặt.
37	Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui). - Biết an ủi/chia vui phù hợp với họ. - An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ. - Chúc mừng, động viên, khen ngợi, hoặc reo hò, cổ vũ bạn, người thân khi có niềm vui: ngày sinh nhật, có em bé mới sinh, có bộ quần áo mới, chiến thắng trong một cuộc thi, hoàn thành một sản phẩm tạo hình...
38	Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được cái đẹp (bông hoa đẹp, bức tranh vẽ đẹp, búp bê xinh...). - Những biểu hiện thích thú trước cái đẹp: reo lên, xuyết xoa khi nhìn thấy đồ vật, cảnh vật đẹp... Ví dụ: ngắm nghía say sưa khi nhìn một bức tranh đẹp; xuyết xoa trước vẻ đẹp của một bông hoa, thích thú ngắm, vuốt ve những cánh hoa reo lên khi nhìn cánh đồng lúa chín, hoa cỏ xanh mơn mớn sau mưa, biển xanh bát ngát thích thú lắng nghe tiếng chim hót...
39	Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm hỏi han về sự phát triển, cách chăm sóc cây, con vật quen thuộc. - Thích được tham gia tưới, nhổ cỏ, lau lá cây; cho con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm các con vật non...

TT chi số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
40	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.	Tự điều chỉnh hành vi, thái độ, cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh, ví dụ như: Trẻ đang nô đùa vui vẻ nhưng khi thấy bạn bị ngã đau trẻ sẽ dừng chơi, chạy lại hỏi han, lo lắng, đỡ bạn vào lớp hoặc trẻ đang thích thú chơi một đồ chơi mới ở ngoài sân nhưng khi vào nhà, trẻ sẽ đi lại nhẹ nhàng, không nói to vì mẹ bị ốm..
41	Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	<ul style="list-style-type: none"> - Trấn tĩnh lại, hạn chế cảm xúc và những hành vi tiêu cực (như: đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi...) khi được người khác giải thích, an ủi, chia sẻ. - Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực (khó chịu, tức giận...) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè, người thân.
Chuẩn 10. Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn		
42	Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm. - Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. - Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái.
43	Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động bắt chuyện hoặc kéo dài được cuộc trò chuyện. - Sẵn lòng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp. - Giao tiếp thoải mái, tự tin.
44	Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể cho bạn về chuyện vui, buồn của mình. - Trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn.
45	Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động giúp đỡ khi nhìn thấy bạn hoặc người khác cần sự trợ giúp.

TT chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
	khô khăn.	– Sẵn sàng, nhiệt tình giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.
46	Có nhóm bạn chơi thường xuyên	– Thích và hay chơi theo nhóm bạn. – Có ít nhất 2 bạn thân hay cùng chơi với nhau.
47	Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	– Có ý thức chờ đợi tuần tự trong khi tham gia các hoạt động: xếp hàng hoặc chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác trong khi chờ đợi, ví dụ: xếp hàng lần lượt để lên cầu trượt khi chơi ngoài sân, xếp hàng lần lượt lên ô tô khách, chờ đến lượt được chia quà, lấy đồ ăn...; chờ đến lượt nói khi trò chuyện mà không cắt ngang người khác để được nói... – Biết nhắc nhở các bạn chờ đến lượt: nhắc các bạn xếp hàng, đề nghị bạn không được tranh lượt..
Chuẩn 11. Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh		
48	Lắng nghe ý kiến của người khác.	– Nhìn vào người khác khi họ đang nói. – Không cắt ngang lời khi người khác đang nói.
49	Trao đổi ý kiến của mình với các bạn.	– Trình bày ý kiến của mình với các bạn. – Trao đổi để thoả thuận với các bạn và chấp nhận thực hiện theo ý kiến chung. – Khi trao đổi, thái độ bình tĩnh tôn trọng lẫn nhau, không nói cắt ngang khi người khác đang trình bày.
50	Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.	– Chơi với bạn vui vẻ. – Biết sử dụng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn.
51	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn	– Chấp hành và thực hiện sự phân công của người điều hành với thái độ sẵn sàng, vui vẻ.

TT chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
	và người lớn.	– Thực hiện nhiệm vụ với thái độ sẵn sàng, vui vẻ.
52	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	– Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. – Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ, không xảy ra mâu thuẫn.
Chuẩn 12. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội		
53	Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.	– Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác. – Giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ gây phản ứng như thế nào.
54	Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn.	– Biết và thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hằng ngày: Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn mà không phải nhắc nhở; Nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh hưởng đến người khác.
55	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.	– Biết tìm sự hỗ trợ từ người khác. – Biết cách trình bày để người khác giúp đỡ.
56	Nhận xét một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.	– Nhận ra hành vi đúng/sai của mọi người trong ứng xử với môi trường xung quanh. – Nhận ra ảnh hưởng của hành vi đúng hoặc sai: Vứt rác ra đường là sai vì gây bẩn/ô nhiễm môi trường, như vậy sẽ có hại cho sức khỏe của mọi người.
57	Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hằng ngày.	Thể hiện một số hành vi bảo vệ môi trường: – Giữ vệ sinh chung: bỏ rác đúng nơi quy định, cất đồ chơi đúng nơi, ngăn nắp sau khi chơi,

TT chi số	Nội dung chi số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
		sắp xếp đồ dùng gọn gàng, tham gia quét, lau chùi nhà cửa. – Sử dụng tiết kiệm điện, nước: tắt điện khi ra khỏi phòng; sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt. – Chăm sóc cây trồng, bảo vệ vật nuôi.
Chuẩn 13. Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác		
58	Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân.	– Nhận biết một số khả năng của bạn bè, người gần gũi, ví dụ: Bạn Thanh vẽ đẹp; Bạn Nam chạy rất nhanh; Chú Hùng rất khỏe; Mẹ nấu ăn rất ngon. – Nói được một số sở thích của bạn bè và người thân, ví dụ: Bạn Cường rất thích ăn cá, Bạn Lan rất thích chơi búp bê, Bố rất thích đọc sách...
59	Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.	– Nhận ra và chấp nhận sự khác biệt giữa người khác và mình cả về ngoại hình, khả năng, sở thích, ngôn ngữ... – Tôn trọng mọi người, không giễu cợt người khác hoặc xa lánh những người bị khuyết tật. – Hoà đồng với bạn bè ở các môi trường khác nhau.
60	Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.	– Nhận ra và có ý kiến về sự không công bằng giữa các bạn. – Nêu ý kiến về cách tạo lại sự công bằng trong nhóm bạn. – Có ý thức cư xử công bằng với bạn bè trong nhóm chơi.
Chuẩn 14. Trẻ nghe, hiểu lời nói		
61	Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận,	– Nhận ra cảm xúc vui, buồn, âu yếm, ngạc nhiên, sợ hãi hoặc tức giận của người khác qua ngữ điệu lời nói của họ.

TT chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
	ngạc nhiên, sợ hãi.	– Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói.
62	Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động.	– Hiểu được những lời nói, chỉ dẫn của người khác và phản hồi lại bằng những hành động hoặc lời nói phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập, sinh hoạt hằng ngày. – Thực hiện được lời chỉ dẫn 2 – 3 hành động liên quan liên tiếp, ví dụ: Sau khi cô nói “Con hãy cất dép lên giá rồi đi rửa tay và lấy nước uống nhé”, trẻ thực hiện đúng thứ tự các chỉ dẫn mà cô đã nêu.
63	Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	– Thực hiện lựa chọn các vật, hiện tượng theo tập hợp nhóm theo yêu cầu, ví dụ: chọn (tranh ảnh, vật thật) rau muống, rau cải, bắp cải, củ cải... vào nhóm rau củ; rau muống, trứng, thịt, cá vào nhóm thực phẩm; chó, mèo, gà, lợn... vào nhóm động vật nuôi; bàn ghế, nồi, đĩa, bát, chén... vào nhóm đồ dùng gia đình; mưa, gió, bão, lụt... vào nhóm hiện tượng tự nhiên... – Nói được một số từ khái quát chỉ các vật, ví dụ: cốc, ca, tách (ly/chén)... là nhóm đồ dùng đựng nước uống; cam, chuối, đu đủ... được gọi chung là nhóm quả; bút, quyển sách, cặp sách... được gọi chung là đồ dùng học tập.
64	Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.	– Nói được tên, hành động của các nhân vật, tình huống trong câu chuyện. – Kể lại được nội dung chính của các câu chuyện mà trẻ đã được nghe, hoặc vẽ lại được tình huống, nhân vật trong câu chuyện phù hợp với nội dung câu chuyện. – Nói được tính cách của nhân vật, đánh giá được hành động.

TT chi số	Nội dung chi số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
Chuẩn 15. Trẻ có thể sử dụng lời nói để giao tiếp		
65	Nói rõ ràng.	<ul style="list-style-type: none"> – Phát âm đúng và rõ ràng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được. – Sử dụng lời nói dễ dàng, thoải mái, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp.
66	Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hằng ngày.	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng đúng các danh từ, tính từ, động từ, từ biểu cảm trong câu nói phù hợp với tình huống giao tiếp. <p>Ví dụ: Ôi! Sao hôm nay bạn đẹp thế! Thật tuyệt! Đẹp quá! Trời ơi!</p>
67	Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.	Sử dụng đa dạng các loại câu: câu đơn, câu phức, câu khẳng định, phủ định, nghi vấn, mệnh lệnh phù hợp với ngữ cảnh để diễn đạt trong giao tiếp với người khác.
68	Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> – Dễ dàng sử dụng lời nói để diễn đạt cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. – Kết hợp với cử chỉ cơ thể để diễn đạt một cách phù hợp (cười, cau mày...), những cử chỉ đơn giản (vỗ tay, gật đầu...) để diễn đạt ý tưởng, suy nghĩ của bản thân khi giao tiếp.
69	Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> – Trao đổi bằng lời nói để thống nhất các đề xuất trong cuộc chơi với các bạn (Ví dụ: trao đổi để đi đến quyết định xây dựng một công viên bằng các hình khối, hoặc chuyển đổi vai chơi...). – Hướng dẫn bạn đang cố gắng giải quyết một vấn đề nào đó (Ví dụ: Hướng dẫn bạn kéo khoá áo hay xếp hình trong nhóm chơi, hay lựa chọn màu bút chì để tô các chi tiết của bức tranh).

TT chi số	Nội dung chi số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
		– Hợp tác trong quá trình hoạt động, các ý kiến không áp đặt hoặc dùng vũ lực bắt bạn phải thực hiện theo ý của mình.
70	Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được.	– Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc theo trình tự logic nhất định về một sự việc, hiện tượng mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. – Chú ý đến thái độ của người nghe để kể chậm lại, nhắc lại hay giải thích lại lời kể của mình khi người nghe chưa rõ.
71	Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định.	– Kể lại được câu chuyện ngắn dựa vào trí nhớ hoặc qua truyện tranh đã được cô giáo, bố mẹ kể hoặc đọc cho nghe với đầy đủ yếu tố (nhân vật, lời nói của các nhân vật, thời gian, địa điểm và diễn biến theo đúng trình tự nội dung của câu chuyện). – Lời kể rõ ràng, thể hiện cảm xúc qua lời kể và cử chỉ, nét mặt.
72	Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	– Bắt chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau (ví dụ: sử dụng thông tin của một câu chuyện, sự kiện hay câu hỏi). – Cuộc trò chuyện được duy trì và phát triển.
Chuẩn 16. Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp		
73	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.	Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp: Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, khi người khác đang tập trung làm việc, khi thăm người ốm; Nói thầm với bạn, bố mẹ... khi trong rạp hát, rạp xem phim công cộng, khi người khác đang làm việc; Nói to hơn khi phát biểu ý kiến...; Nói nhanh

TT chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
		hơn khi chơi trò chơi thi đua, nói chậm lại khi người khác có vẻ chưa hiểu điều mình muốn truyền đạt.
74	Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để người nói biết rằng mình đã hiểu hay chưa hiểu điều họ nói.
75	Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói chen vào khi người khác đang nói... - Tôn trọng người nói bằng việc lắng nghe, hoặc đặt các câu hỏi, nói ý kiến của mình khi họ đã nói xong.
76	Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng câu hỏi để hỏi lại (ví dụ: Chim ri là gì sáo sậu, "đi" nghĩa là gì?). - Nhún vai, nghiêng đầu, nhíu mày... ý muốn làm rõ một thông tin khi nghe mà không hiểu.
77	Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.	- Sử dụng một số từ trong câu xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn hơn như: xin chào, tạm biệt, cảm ơn; cháu chào cô ạ, tạm biệt bác ạ; con cảm ơn mẹ ạ; bố có mệt không ạ; cháu kính chúc ông bà sức khỏe....
78	Không nói tục, chửi bậy.	Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ tình huống nào.
Chuẩn 17. Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc		
79	Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	- Thích tìm kiếm những chữ đã biết ở sách, truyện, bảng hiệu, nhà hàng... để đọc.

TT chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
		<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ và đọc cho bạn hoặc người khác những chữ cô ở môi trường xung quanh. - Thích tham gia vào hoạt động nghe cô đọc sách. Hỏi người lớn hoặc bạn bè những chữ chưa biết.
80	Thể hiện sự thích thú với sách.	<ul style="list-style-type: none"> - Thích chơi ở góc sách. - Tìm sách truyện để xem ở mọi lúc, mọi nơi. - Nhờ người lớn đọc những câu chuyện trong sách cho nghe hoặc nhờ người lớn giải thích những tranh, những chữ chưa biết. - Thích mẹ cho đến cửa hàng bán sách để xem và mua, ôm ấp hoặc nâng niu những quyển sách truyện. - Nhận ra tên những cuốn sách truyện đã xem.
81	Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	<p>Giữ cẩn thận từng trang khi xem, không quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để sách đúng nơi quy định sau khi sử dụng. - Nhắc nhở hoặc không đồng tình khi bạn làm rách sách; băn khoăn khi thấy cuốn sách bị rách và mong muốn cuốn sách được phục hồi.
Chuẩn 18. Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc		
82	Biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.	<p>Hiểu được một số kí hiệu, biểu tượng kí hiệu xung quanh: kí hiệu một số biển báo giao thông đã được học, cấm hút thuốc, cột xăng, biển báo nguy hiểm ở các trạm điện, kí hiệu nhà vệ sinh, nơi bỏ rác, bến đỗ ô tô buýt, không giẫm lên cỏ, kí hiệu đồ dùng cá nhân của mình và của các bạn, nhãn hàng...</p>

TT chi số	Nội dung chi số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
83	Cô một số hành vi như người đọc sách.	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện. - Cầm sách đúng chiều, lật giờ từng trang sách từ trái qua phải, đọc, đưa mắt hoặc tay chỉ theo chữ từ trái qua phải, trên xuống dưới. - Trẻ biết cấu tạo của một cuốn sách quen thuộc: bìa sách, trang sách, vị trí tên sách, vị trí tên tác giả, bắt đầu và kết thúc của một câu chuyện trong sách.
84	"Đọc" theo truyện tranh đã biết.	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ vào chữ dưới tranh minh họa và "đọc" thành tiếng (theo trí nhớ) để "đọc" thành một câu chuyện với nội dung phù hợp với từng tranh minh họa.
85	Biết kể chuyện theo tranh.	<ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp theo trình tự một bộ tranh liên hoàn (khoảng 4 – 5 tranh) có nội dung rõ ràng, gần gũi và phù hợp với nhận thức của trẻ. - "Đọc" thành một câu chuyện có bắt đầu, diễn biến và kết thúc một cách hợp lí, logic.
Chuẩn 19. Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc viết		
86	Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.	<p>Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, kí hiệu... để thể hiện điều muốn truyền đạt.</p> <p>(Ví dụ: hỏi mẹ: "Mẹ ơi, trong thư bố cô nói nhớ con không?"; "Mẹ viết hộ con thiệp chúc mừng sinh nhật bạn, mẹ viết là con chúc bạn nhận được nhiều đồ chơi nhé"; "Nếu điện thoại nhà mình hỏng thì phải viết thư để mời ông bà đến chơi"...; tự "viết" thư cho bạn, "viết" bưu kiện... (chấp các chữ cái đã biết, hoặc viết, hoặc kí hiệu gần giống chữ viết với mong muốn truyền đạt thông tin nào đó).</p>

TT chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
87	Biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Cố gắng tự mình viết ra, cố gắng tạo ra những biểu tượng, những hình mẫu kí tự có tính chất sáng tạo, hay sao chép lại các kí hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân. - “Đọc” lại được những ý mình đã “viết” ra.
88	Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái.	<ul style="list-style-type: none"> - cầm bút viết và ngồi để viết đúng cách. - Sao chép các từ theo trật tự cố định trong các hoạt động. - Biết sử dụng các dụng cụ viết, vẽ khác nhau để tạo ra các các dòng giống chữ viết để biểu đạt ý tưởng hay một thông tin nào đấy. Nói cho người khác biết ý nghĩa của các dòng mình đã “viết”.
89	Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình.	<ul style="list-style-type: none"> - Sao chép lại đúng tên của bản thân. - Nhận ra tên của mình trên các bảng kí hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ. - Sau khi vẽ tranh, viết tên của mình phía dưới theo cách mà mình thích (bằng chữ in, bằng chữ thường viết đầy đủ, hoặc chỉ có một chữ cái đầu, hoặc trang trí thêm vào tên của mình khi viết ra...).
90	Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.	<ul style="list-style-type: none"> - Khi “viết” bắt đầu từ trái qua phải, xuống dòng khi hết dòng của trang vở và cũng bắt đầu dòng mới từ trái qua phải, từ trên xuống dưới, mắt nhìn theo nét viết.
91	Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng các chữ cái viết thường hoặc viết hoa và phát âm đúng các âm của các chữ cái đã được học. - Phân biệt được đâu là chữ cái, đâu là chữ số.

TT chi số	Nội dung chi số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
Chuẩn 20. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên		
92	Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân nhóm một số con vật/cây cối gần gũi theo đặc điểm chung. - Sử dụng các từ khái quát để gọi tên theo nhóm các con vật/cây cối đó.
93	Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên.	Nhận ra và sắp xếp hoặc giải thích các tranh về theo trình tự các giai đoạn phát triển của cây/con/hiện tượng tự nhiên. Ví dụ: hạt → hạt nảy mầm → cây non → cây trưởng thành có hoa → cây có quả; trứng gà → gà con → gà trưởng thành → gà đẻ/ấp trứng; gió to → mưa → ao, hồ, sông ngòi đầy nước → lũ lụt.
94	Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên các mùa trong năm nơi trẻ sống. - Nêu được đặc điểm đặc trưng của mùa đó. Ví dụ: mùa hè: nắng nhiều, nóng, khô, có nhiều loại quả, hoa đặc trưng (kể tên); mùa đông: nhiều gió, mưa, trời lạnh, ít hoa, quả hơn mùa hè (kể tên một số loại hoa/quả đặc trưng).
95	Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	Chú ý quan sát và đoán hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo (Ví dụ: Mẹ ơi trời nhiều sao thế thì mai sẽ nắng to đấy; Nhiều con chuồn chuồn bay thấp thế thì ngày mai sẽ mưa; Tôi đoán trời sẽ mưa vì gió to và có nhiều mây đen lắm..).
Chuẩn 21. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội		
96	Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày. - Nhận ra đặc điểm chung về công dụng/chất liệu của 3 (hoặc 4) đồ dùng.

TT chi số	Nội dung chi số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
		– Sắp xếp những đồ dùng đồ theo nhóm và sử dụng các từ khái quát để gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu.
97	Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	Kể hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về một số điểm vui chơi công cộng/công viên/trường học/nơi mua sắm/nơi khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến gần nhà của trẻ (tên gọi, định hướng khu vực, không gian, hoạt động của con người và một số đặc điểm nổi bật khác).
98	Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	– Kể được tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống. – Kể được một số công cụ làm nghề và sản phẩm của nghề.
Chuẩn 22. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình		
99	Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.	Nghe bản nhạc, bài hát gần gũi và nhận ra được bản nhạc là vui hay buồn, nhẹ nhàng hay mạnh mẽ, êm dịu hay hùng tráng, chậm hay nhanh.
100	Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em.	Trẻ hát đúng lời, giai điệu của một số bài hát trẻ em đã được học.
101	Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.	Thể hiện nét mặt, động tác vận động phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc. (Ví dụ: vỗ tay, vẫy tay, lắc lư, cười, nhắm mắt...).
102	Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.	– Lựa chọn vật liệu phù hợp để làm sản phẩm. – Lựa chọn và sử dụng một số (khoảng 2 – 3 loại) vật liệu để làm ra một loại sản phẩm. Ví dụ: Sử dụng ống giấy để làm mặt chú hề;

TT chi số	Nội dung chi số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
		dùng râu ngô để làm râu tóc, dùng đất màu để đính mắt, mũi, miệng; dùng bẹ chuối, que và giấy để làm một chiếc bè... – Biết đưa sản phẩm làm ra vào trong các hoạt động chơi.
103	Nói về ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	– Bày tỏ ý tưởng của mình khi làm sản phẩm, cách làm sản phẩm dựa trên ý tưởng của bản thân. Ví dụ: Con sẽ làm một gia đình chú hề, có hề bố, hề mẹ và hề con... – Đặt tên cho sản phẩm đã hoàn thành. Ví dụ: Con sẽ đặt tên là “Những chú hề vui nhộn”...
Chuẩn 23. Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo		
104	Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.	– Đếm và nói đúng số lượng ít nhất đến 10 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...). – Đọc được các chữ số từ 1 đến 9 và chữ số 0. – Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được.
105	Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.	– Tách 10 đồ vật (hột, hạt, nắp bia, cúc áo...) thành 2 nhóm ít nhất bằng 2 cách khác nhau (Ví dụ: nhóm có 3 và 7 hạt và nhóm có 5 và 5 hạt...). – Nói được nhóm nào có nhiều hơn/ít hơn/hoặc bằng nhau.
106	Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.	– Lựa chọn và sử dụng một số dụng cụ làm thước đo (đoạn que, đoạn dây, mẫu gỗ, cái thước, bước chân, gang tay...) để đo độ dài của một vật. Ví dụ: cạnh bàn, quyển sách, chiều cao giá để đồ chơi...

TT chi số	Nội dung chi số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
		<ul style="list-style-type: none"> - Đo đúng cách như đặt thước đo nối tiếp đúng vị trí. - Nói đúng kết quả đo (Ví dụ: bằng 5 bước chân, 4 cái thước).
Chuẩn 24. Trẻ nhận biết về một số hình hình học và định hướng trong không gian		
107	Chỉ khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy ra hoặc chỉ được các hình khối có màu sắc/kích thước khác nhau khi được yêu cầu. - Nói được hình dạng tương tự của một số đồ chơi, đồ vật quen thuộc khác (ví dụ: Quả bóng có dạng hình cầu; Cái tủ có dạng hình khối chữ nhật...).
108	Xác định vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được vị trí không gian trong, ngoài, trên dưới, của một vật so với một vật khác (ví dụ: cái tủ ở bên phải cái bàn, cái ảnh ở bên trái cái bàn...). - Nói được vị trí không gian của một vật so với một người được đứng đối diện với bản thân (ví dụ: Cái cây ở phía bên tay trái của bạn Nam; Bạn Lan đứng bên tay phải của bạn Tuấn. Tôi đứng phía trước mặt của bạn Hải; Bạn Mai đứng phía sau của tôi...). - Đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu (Ví dụ: đặt búp bê lên trên giá đồ chơi, đặt quả bóng ở bên phải của búp bê...).
Chuẩn 25. Trẻ có một số biểu tượng ban đầu về thời gian		
109	Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự (ví dụ: thứ hai, thứ ba...). - Nói được ngày đầu, ngày cuối của một tuần theo quy ước thông thường (thứ hai và chủ nhật).

TT chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
		– Nói được trong tuần những ngày nào đi học, ngày nào nghỉ ở nhà.
110	Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.	– Nói được tên thứ của các ngày hôm qua, hôm nay và ngày mai. – Nói được hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn/mẹ dặn ngày mai làm việc gì, ví dụ: Hôm qua ở trường con được ăn cơm với gì, hôm nay con được ăn quả gì sau khi ngủ dậy; Cô dặn ngày mai đến lớp mỗi bạn sẽ mang cho cô những gì để làm đồ chơi...
111	Nói ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ.	– Nói được lịch, đồng hồ dùng để làm gì. – Nói được ngày trên lịch (đọc ghép số). – Nói được giờ chẵn trên đồng hồ (ví dụ: bây giờ là 2 giờ/3 giờ...).
Chuẩn 26. Trẻ tò mò và ham hiểu biết		
112	Hay đặt câu hỏi.	Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật, sự việc hay người nào đó.
113	Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.	– Thích tìm hiểu cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới). Ví dụ: ngắm nghĩa trước sau của một cái đồng hồ mới, quan sát kĩ lưỡng để tìm ra những bộ phận khác lạ hơn so với cái đã biết; chăm chú quan sát bác bảo vệ trồng một cây mới và đặt ra những câu hỏi để biết được đó là cây gì, hoa sẽ có màu gì, có quả không và quả có ăn được không... – Hay đặt câu hỏi “Tại sao?”.
Chuẩn 27. Trẻ thể hiện khả năng suy luận		
114	Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân –	– Phát hiện ra nguyên nhân của một hiện tượng đơn giản.

TT chi số	Nội dung chi số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
	kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.	– Dự báo được kết quả của một hành động nào đó nhờ vào suy luận. – Giải thích bằng mẫu câu “Tại vì... nên...”.
115	Loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.	– Nhận ra sự khác biệt của một đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại. – Giải thích đúng khi loại bỏ đối tượng khác biệt đó.
116	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.	– Nhận ra quy tắc sắp xếp lặp lại của một dãy hình, dãy số, động tác vận động... và thực hiện tiếp theo đúng quy tắc kèm theo lời giải thích Ví dụ: Xếp tiếp dãy 11a – 11a – 11a; hoặc tam giác – tròn – chữ nhật – tam giác – tròn – chữ nhật...; bước 1 – nhún – vẩy tay – bước – nhún – vẩy tay...; xanh – vàng – đỏ – xanh – vàng – đỏ...
Chuẩn 28. Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo		
117	Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát.	– Thay một từ hoặc một cụm từ của một bài hát (Ví dụ: Bài hát “Mẹ ơi mẹ con yêu mẹ lắm” thay cho “Bà ơi bà cháu yêu bà lắm”.) – Thay tên mới cho câu chuyện phản ánh đúng nội dung, ý nghĩa tư tưởng của câu chuyện. – Đặt tên cho đồ vật mà trẻ thích, ví dụ: đặt tên cho cái chăn mà trẻ thích là cái Thảm bay...
118	Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình.	– Có cách thực hiện một nhiệm vụ khác hơn so với chỉ dẫn cho trước mà vẫn đạt được kết quả tốt, đỡ tốn thời gian... – Làm ra sản phẩm tạo hình không giống cách các bạn khác làm.

TT chi số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu nhận biết/Minh chứng
119	Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Thường là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi mới. - Xây dựng các “công trình” khác nhau từ những khối xây dựng. - Tự vận động minh họa/múa sáng tạo khác hợp lí nhưng khác với hướng dẫn của cô...
120	Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác.	Thay tên hoặc thêm các nhân vật, hành động của nhân vật, thời gian, địa điểm diễn ra sự kiện trong câu chuyện một cách hợp lí, không làm mất đi ý nghĩa của câu chuyện quen thuộc đã được nghe kể nhiều lần.